



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 22

Ngày 01 tháng 6 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

- 08-5-2013 - Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Quận 1. 3
- 08-5-2013 - Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ Quận 1. 12

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 15-5-2013 - Quyết định số 2507/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015. 22
- 15-5-2013 - Quyết định số 2508/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015. 46

Trang

15-5-2013 - Quyết định số 2509/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015.

74

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/QĐ-UBND

Quận 1, ngày 08 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Quận 1

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 475/2009/TTLT-TTCP-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Thanh tra Chính phủ - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận, huyện;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Quận 1 tại Tờ trình số 57/TTr-TTQ ngày 18 tháng 3 năm 2013, ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại tờ trình số 25/TTr-TP ngày 26 tháng 4 năm 2013 và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 243/TTr-NV ngày 07 tháng 5 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Quận 1.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Quận 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Nội vụ, Chánh Thanh tra Quận 1, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra Quận 1

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 1)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Thanh tra Quận 1 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1.

Thanh tra Quận 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố.

2. Chức năng

Thanh tra Quận 1 tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác: thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính trong phạm vi quản lý Nhà nước, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra Quận 1 thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành quyết định, chỉ thị về công tác thanh

tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

4. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân 10 phường.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

6. Về thanh tra:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân 10 phường, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

b) Thanh tra vụ việc có liên quan đến trách nhiệm của nhiều Ủy ban nhân dân phường, nhiều cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao;

d) Thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

đ) Báo cáo kết quả về công tác thanh tra;

e) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra quận và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

7. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân 10 phường, các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại tố cáo;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp tăng

cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận khi được giao;

d) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét giải quyết lại theo quy định;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

8. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân 10 phường và các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận;

b) Phối hợp với cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra vụ việc tham nhũng;

c) Tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

9. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

10. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra quận.

11. Tổng hợp, thông tin, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại,

tổ cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Thanh tra thành phố.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

13. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

14. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Thanh tra quận có Chánh Thanh tra và 03 Phó Chánh Thanh tra:

a) Chánh Thanh tra là người đứng đầu cơ quan Thanh tra quận chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đồng thời chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra thành phố về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Thanh tra;

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố;

b) Phó Chánh Thanh tra là người giúp Chánh Thanh tra quận phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra quận và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra vắng mặt một Phó Chánh Thanh tra được Chánh Thanh tra ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra;

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo đề nghị của Chánh Thanh tra quận;

c) Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra quận thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về thanh tra trên địa bàn quận có: thanh tra viên, chuyên viên, nhân viên trong biên chế, hưởng lương từ ngân sách được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Thanh tra quận có thể sử dụng nhân viên hợp đồng và cộng tác viên để phục vụ công tác thanh tra.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tính chất đặc thù, phức tạp của công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại quận 1, Ủy ban nhân dân Quận 1 bố trí biên chế cho Thanh tra Quận 1, đảm bảo đủ lực lượng để đáp ứng yêu cầu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế hành chính của Thanh tra quận do Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Chánh Thanh tra quận phụ trách, điều hành các hoạt động của Thanh tra và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Thanh tra phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Thanh tra phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Thanh tra khác, Phó Chánh Thanh tra chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Thanh tra quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Thanh tra khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Thanh tra trực tiếp yêu cầu Thanh tra viên hoặc chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Thanh tra, yêu cầu đó được thực hiện nhưng Thanh tra viên hoặc chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Thanh tra trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.
2. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.
3. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Thanh tra.

Điều 7. Mỗi quan hệ công tác

1. Đối với Thanh tra thành phố: Thanh tra quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Chánh Thanh tra thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Thanh tra quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Chánh Thanh tra trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và phải báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ, Thanh tra quận phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Thanh tra quận và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Thanh tra quận chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Thanh tra quận tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Thanh tra, Chánh Thanh tra có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phối hợp, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra;

b) Hướng dẫn các phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Thanh tra quận quản lý.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Quy chế này được triển khai đến tất cả các cán bộ, công chức Thanh tra quận.

Những cán bộ, công chức chấp hành tốt Quy chế, có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được phân công sẽ được khen thưởng theo quy định.

Những cán bộ, công chức có hành vi vi phạm Quy chế, vi phạm pháp luật, không hoàn thành nhiệm vụ, tùy mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chánh Thanh tra và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra sau khi được Ủy ban nhân dân quận ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2013/QĐ-UBND

Quận 1, ngày 08 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Nội vụ Quận 1

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của tổ chức văn thư, lưu trữ bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2011/TT-BNV ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn bổ sung nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện về công tác thanh niên;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ Quận 1 tại Tờ trình số 231/TTr-NV ngày 02 tháng 5 năm 2013 và đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 24/TTr-TP ngày 26 tháng 4 năm 2013 về báo cáo thẩm định dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ Quận 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ Quận 1.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3029/2009/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ Quận 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ Quận 1
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 1)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Phòng Nội vụ Quận 1 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1.

Phòng Nội vụ Quận 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu và chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Quận 1; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ.

2. Chức năng

Phòng Nội vụ Quận 1 có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp Nhà nước; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ, công chức phường; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua khen thưởng và công tác thanh niên.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nội vụ Quận 1 có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân Quận 1 các văn bản hướng dẫn về công tác nội vụ trên địa bàn và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch định kỳ và đột xuất; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

4. Về tổ chức, bộ máy:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan chuyên môn Quận 1 theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trình Ủy ban nhân dân Quận 1 quyết định hoặc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1;

c) Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các tổ chức phối hợp liên ngành Quận 1 theo quy định của pháp luật.

5. Về quản lý và sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp:

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm;

b) Giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp;

c) Giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 tổng hợp chung việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp Quận 1 và Ủy ban nhân dân 10 phường.

6. Về công tác xây dựng chính quyền:

a) Giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân Quận 1 và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Thực hiện các thủ tục để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân 10 phường; giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm các chức danh theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 xây dựng đề án thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn để Ủy ban nhân dân quận trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, mốc, chỉ giới, bản đồ địa giới hành chính của Quận 1;

d) Giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 trong việc hướng dẫn thành lập, giải thể, sáp nhập và kiểm tra, tổng hợp báo cáo về hoạt động của khu phố, tổ dân phố trên địa bàn Quận 1 theo quy định; bồi dưỡng công tác cho các chức danh ở khu phố, tổ dân phố.

7. Giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 trong việc hướng dẫn, kiểm tra tổng hợp báo cáo việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, 10 phường trên địa bàn Quận 1.

8. Về cán bộ, công chức, viên chức:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 trong việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá; thực hiện chính sách, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức;

b) Thực hiện việc tuyển dụng, quản lý công chức phường và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách phường theo phân cấp.

9. Về cải cách hành chính:

Phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1 (Bộ phận chuyên cải cách hành chính) trong công tác thực hiện cải cách hành chính trên lĩnh vực: tham mưu cho UBND quận trong việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2000.

10. Giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn.

11. Về công tác văn thư, lưu trữ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, quy định về văn thư, lưu trữ của Nhà nước và của thành phố đối với các cơ quan, tổ chức ở quận và phường;

b) Thực hiện báo cáo, thống kê về văn thư, lưu trữ theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động văn thư, lưu trữ;

d) Quản lý tài liệu lưu trữ của cấp quận theo hướng dẫn của Sở Nội vụ;

đ) Thực hiện một số dịch vụ công về văn thư, lưu trữ.

12. Về công tác tôn giáo:

a) Giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn;

b) Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn và các ngành có liên quan để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

13. Về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân Quận 1 tổ chức các phong trào thi đua và triển khai thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước trên địa bàn Quận 1; làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Quận 1;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng trên địa bàn Quận 1; theo dõi, tham mưu đề xuất sử dụng kinh phí khen thưởng theo quy định của pháp luật.

14. Về công tác thanh niên:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác thanh niên được giao;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về thanh niên và công tác thanh niên sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên được giao.

15. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về công tác nội vụ theo thẩm quyền.

16. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 và Giám đốc Sở Nội vụ về tình hình, kết quả triển khai công tác nội vụ trên địa bàn.

17. Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công tác nội vụ trên địa bàn.

18. Quản lý tổ chức, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc chức năng tham mưu quản lý theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận 1.

19. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Quận 1.

20. Giúp Ủy ban nhân dân Quận 1 quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường về công tác nội vụ và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân Quận 1.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Nội vụ có Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng và các cán bộ, công chức.

a) Trưởng Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng Nội vụ.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng (bằng văn bản và phải được Chủ tịch UBND quận đồng ý).

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về nội vụ trên địa bàn Quận 1 được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, công chức, Trưởng Phòng Nội vụ Quận 1 phân chia các lĩnh vực công tác và bố trí nhân sự phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Nội vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Quận 1 hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện và cán bộ, chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng

trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nội vụ:

Phòng Nội vụ chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Quận 1:

Phòng Nội vụ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Quận 1 về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 về những mặt công tác đã được phân công.

Theo định kỳ (hàng tháng, quý, 6 tháng, năm) phải báo cáo với Ủy ban nhân dân Quận 1 về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với Ban Tổ chức Quận ủy:

Phòng Nội vụ phối hợp, bàn bạc với Ban Tổ chức Quận ủy trong việc giải quyết những vấn đề về tổ chức cán bộ thuộc diện Quận ủy quản lý theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Quận 1 (đề bạt, bổ nhiệm, xây dựng kế hoạch, quy hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức) đồng thời thường xuyên liên hệ với Ban Tổ chức Quận ủy để nắm được chủ trương của cấp ủy qua từng thời kỳ về công tác tổ chức và cán bộ, qua đó có kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân Quận 1, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của Quận 1. Trong trường hợp Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Nội vụ tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của Quận 1:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 1, 10 phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của Quận 1 có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân Quận 1 giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

6. Đối với Ủy ban nhân dân các 10 phường

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các 10 phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trưởng Phòng Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1 có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề cần điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung, Trưởng Phòng Nội vụ có trách nhiệm nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 xem xét quyết định sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyền

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2507/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bình Lợi,
huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 304/TTr-BQL, ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh giai đoạn 2012 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình Xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 273/TB-TCT-PTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Tài chính tại Tờ trình số 636/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 17 tháng 4 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, giai đoạn 2012 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành

phổ phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi - huyện Bình Chánh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi,
huyện Bình Chánh giai đoạn 2012 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2507/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ BÌNH LỢI, HUYỆN BÌNH CHÁNH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG:

1. Điều kiện tự nhiên

Xã Bình Lợi huyện Bình Chánh nằm ở phía tây của ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 30 km.

- Phía Đông giáp xã Lê Minh Xuân

- Phía Tây giáp xã Đức Hòa Hạ - Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

- Phía Bắc giáp xã Phạm Văn Hai

- Phía Nam giáp xã Tân Nhựt - Huyện Bình Chánh và xã Lương Hòa - Huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Xã Bình Lợi được chia làm 4 ấp: ấp 1, 2, 3, 4; phân thành 2 khu: Khu A bao gồm ấp 3, 4 và khu B bao gồm ấp 1, 2.

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Bình Lợi là 1.908,56 ha, gồm: Đất Nông nghiệp: 1580 ha (năm 2010) chiếm 82,78 % diện tích đất tự nhiên.

2. Dân số:

- Dân số toàn xã tính đến cuối năm 2010 (tổng điều tra dân số) là 8.927 nhân khẩu, 1.938 hộ gia đình (bao gồm cả hộ đăng ký tạm trú trên 6 tháng), mật độ dân số bình quân 468 người/km².

3. Lao động:

Bảng 2: Dân số và lao động

STT	Khoản mục	Số lượng (nhân khẩu)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng dân số	8.927	100
1.1	Nông nghiệp	2.412	27
1.2	Phi nông nghiệp	6.515	73
2	Dân tộc	8.927	100
2.1	Sắc tộc Kinh	8.834	99
2.2	Sắc tộc khác	93	1
3	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	0,05	
4	Số hộ gia đình	1.938 hộ	100
4.1	Nông nghiệp	649 hộ	33
4.2	Phi nông nghiệp	1.289 hộ	67
5	Lao động trong độ tuổi	6.567	
6	Lao động làm việc trong các ngành kinh tế	6.131	100
6.1	Nông nghiệp	1.267	21
6.2	Công nghiệp - TTCN - XD	4.667	76
6.3	Dịch vụ, thương mại	197	3
7	Trình độ lao động	6.131	100
7.1	Đã qua đào tạo	4.099	67

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch

Xã Bình Lợi chưa có quy hoạch

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1. Giao thông

Địa bàn xã Bình lợi chia làm 2 khu vực chính:

- Khu A gồm các ấp 3, 4 có diện tích khoảng 1000 ha, hệ thống giao thông khu A tương đối hoàn chỉnh.

- Khu B gồm các ấp 1, 2 có diện tích khoảng 900 ha.

Tổng chiều dài hệ thống giao thông tại xã 129,63 km, còn 41,203 km cần đầu tư nâng cấp.

2.2. Thủy lợi

- Khu A đã có bờ bao, hệ thống giao thông thủy lợi tương đối hoàn chỉnh.
- Khu B là khu tập trung nuôi trồng thủy sản khoảng 149 ha chuyển đổi từ diện tích trồng lúa năng suất thấp.
- Theo thống kê, toàn xã có 53 tuyến kênh, rạch với tổng chiều dài 80 km.
- Xã có 4 trạm bơm do xã quản lý.
- Số công hiện có 23 công, trong đó số công đã đáp ứng yêu cầu là 13 công, số công cần nâng cấp, xây mới 10 công gồm: công Trầm Lầy 1, Trầm Lầy 2, công số 1, số 2, số 4, số 6, số 7, số 10, số 11, số 11A.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

2.3. Điện

- Toàn xã có hệ thống điện trung thế 25 km chủ yếu nằm dọc theo các tuyến đường,
- Hệ thống điện hạ thế 45 km
- Có 39 trạm biến áp (22 trạm 1 pha, 17 trạm 3 pha). Tổng dung lượng năm 2011 xã Bình lợi là 3.283 KWA.
- Tuy nhiên về lâu dài cần xây dựng mới thêm 19 km đường điện hạ thế, 4,8 km đường điện trung, lắp đặt thêm hệ thống đèn chiếu sáng tại 1 số tuyến đường.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: đạt.*

2.4. Trường học

- Trường mầm non:

Theo quy hoạch mạng lưới trường học của ngành giáo dục có nhưng chưa thực hiện.

- Trường Mẫu giáo: Cần xây dựng mới
- Trường Tiểu học: Cần xây dựng mới
- Trường Phổ thông trung học: Chưa có.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa

a) Trung tâm văn hóa xã, ấp:

- Xã Bình Lợi chưa có nhà văn hóa xã, tại 4 ấp trên địa bàn xã vẫn chưa có nhà văn hóa ấp.

- Các điểm sinh hoạt văn hóa văn nghệ thường diễn ra tại trụ sở UBND xã, Văn phòng của các ấp hoặc nhà dân.

b) Khu thể thao của xã

Chưa có khu thể dục thể thao;

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

2.6. Chợ

Trên địa bàn xã có 27 doanh nghiệp kinh doanh, 399 hộ cá thể buôn bán các loại mặt hàng, trong đó có 286 hộ cá thể có đăng ký kinh doanh.

Trên địa bàn xã không có chợ.

Theo quy hoạch xã Bình Lợi không có xây dựng chợ.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: Đạt.*

2.7. Bưu điện:

- Xã hiện có 01 bưu điện văn hóa xã

- Về hệ thống thông tin liên lạc: Toàn xã có 902 điện thoại cố định; bình quân 2 hộ có 1 máy.

- Toàn xã có 04 điểm truy cập Internet đang hoạt động tại 4 ấp.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: đạt.*

2.8. Nhà ở dân cư nông thôn

- Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 2.168 căn, diện tích xây dựng ước tính khoảng trên 60.000 m², trong đó: có khoảng 20% nhà cấp 2, 3 còn lại là nhà cấp 4.

- Hiện nay trên địa bàn xã nhà chưa đạt chuẩn còn 267 căn, chiếm khoảng 12,32% .

- Phần lớn dân cư sinh sống ở đây từ nhiều đời, nhà ở xây dựng theo kiểu tự phát, không theo quy hoạch do đó làm ảnh hưởng đến mỹ quan.

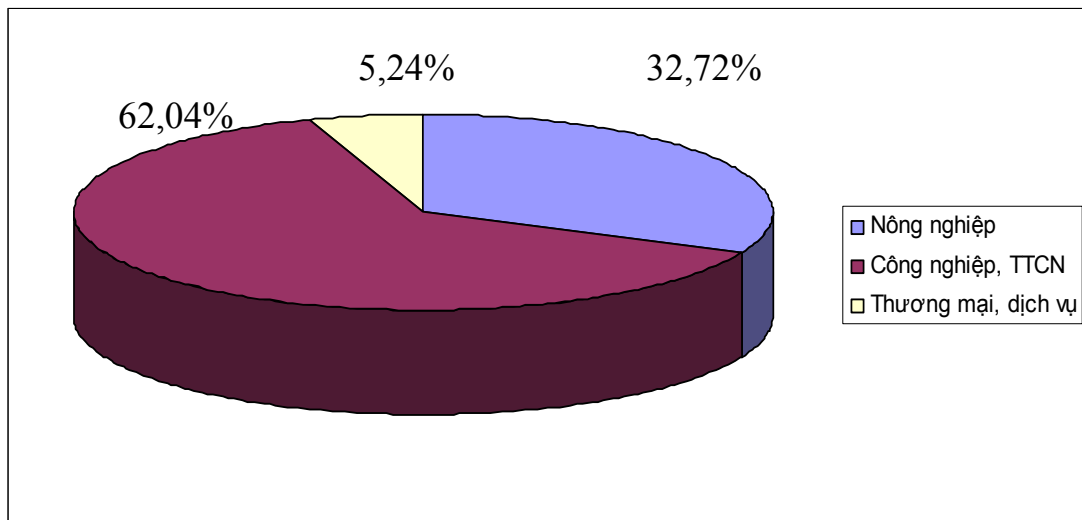
❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

3.1. Kinh tế

- Theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ thì cơ cấu kinh tế của xã là **Nông nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại dịch vụ.**

Cơ cấu giá trị đóng góp của các ngành



- Thu nhập bình quân đầu người: 14 triệu đồng/người/năm.

- Số lượng hộ nghèo: theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm là 133 hộ chiếm 6,86% tổng số hộ toàn xã (1.938 hộ).

- Nhìn chung, nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế, chiếm khoảng 32,72% tổng thu nhập

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

3.2. Tỷ lệ lao động có việc làm

- Lao động có việc làm tại xã Bình Lợi là 6.131 (93%)

- Cơ cấu lao động:

+ Nông nghiệp: 21%

+ Công nghiệp - TTCN - XD: 76%

+ Dịch vụ, thương mại: 3%

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: đạt.*

3.3. Hình thức tổ chức sản xuất

- Số trang trại trên địa bàn xã là 05 trang trại

- Số doanh nghiệp: có 27 doanh nghiệp, cơ sở chế biến, sản xuất kinh doanh trên địa bàn chủ yếu thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Tổ hợp tác: 02 tổ

- Kinh tế tập thể: Xã Bình Lợi có 1 hợp tác xã nhưng đã giải thể.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

4.1. Văn hóa - giáo dục

- Năm 2011 xã có 03 ấp được huyện công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 75%.

- Phổ cập giáo dục trung học: xã đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học phổ thông năm 2011 (tỷ lệ 73,04%).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63%

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm 2011 là 90,18%

- Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tại xã Bình Lợi: Đạt

- Xóa mù chữ trên địa bàn xã: Đạt

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

4.2. Y tế:

- Xã có 1 trạm y tế với 6 giường bệnh nhưng đã xuống cấp.

- Điều kiện trang thiết bị y tế hiện nay: đang được đầu tư xây dựng.

- Số lượng người dân đăng ký BHYT là 60% dân số toàn xã.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

4.3. Môi trường:

- Số lượng giếng khoan Unicef trên địa bàn là 164 giếng, giếng khoan công nghiệp là 04 giếng đáp ứng 90%

- Hiện nay trên địa bàn xã có khoảng 99,16% hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn khoảng 91%

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường khoảng 50%.

- Xử lý chất thải: Trên địa bàn xã 22,6% số hộ đăng ký thu gom và xử lý rác thải dân lập, số hộ còn lại tự tiêu huỷ rác bằng hình thức chôn hoặc đốt tại nhà vườn, do xe thu gom rác không vào được.

- Tỷ lệ số hộ có chăn nuôi hợp vệ sinh khoảng 50%.

- Nghĩa trang: Trên địa bàn xã hiện nay chưa có nghĩa trang.

- Số hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường nông thôn trên 90%, hiện đang thiếu nước ở khu vực ấp 4.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

5. Hệ thống chính trị

5.1. Hệ thống chính trị của xã gồm:

- Đảng bộ cơ sở: có 09 chi bộ trực thuộc, với 108 đảng viên.

- Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi được giao năm 2013 là 41 người

- Số lượng cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực

❖ *Đánh giá tiêu chí 18.1: chưa đạt*

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy trong việc tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: chưa đạt.*

5.2. Tình hình trật tự xã hội an ninh trên địa bàn.

- Giữ vững ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội; hàng năm đạt 100% chỉ tiêu tuyên quân (trong đó có đảng viên trẻ nhập ngũ); xây dựng lực lượng dân quân đạt theo tỷ lệ dân số quy định; lực lượng dân quân thường trực đạt 100% quân số; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 3-4-5 đạt 100%; đảm bảo tỷ lệ Đảng (phần đầu trên 15%), Đoàn (trên 65% trở lên) trong lực lượng dân quân.

- Tỷ lệ đánh, phá án đạt trên 65% án nghiêm trọng và đặt biệt nghiêm trọng trên 95%; xây dựng lực lượng dân phòng ở 4 ấp (binh quân 4-6 đội viên/ấp) kéo giảm tỷ lệ tai nạn giao thông trên địa bàn xã.

❖ *Đánh giá theo bộ tiêu chí quốc gia: đạt*

6. Các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã

- Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010.
- Các chương trình hỗ trợ lãi suất phục vụ cho chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói trên.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng xã Bình Lợi - huyện Bình Chánh thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao, có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hoàn chỉnh, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thành 19/19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới từng giai đoạn cụ thể:

+ Năm 2012 Đạt 6/19 tiêu chí: (4, 7, 8, 9, 12, 18)

+ Năm 2013 Đạt 9/19 tiêu chí (thêm 3 tiêu chí: 1, 13, 15)

+ Năm 2014 Đạt 17/19 tiêu chí (thêm 8 tiêu chí: 3, 5, 6, 9, 11, 14, 17, 19)

+ Năm 2015 Đạt 19/19 tiêu chí (thêm 2 tiêu chí còn lại: 2, 10)

Các nội dung thực hiện:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, quy hoạch khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, đảm bảo cho người dân có nơi đổ rác thải, nơi chôn cất đúng quy định, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Nâng cấp và cải tạo các tuyến kênh mương nội đồng đảm bảo tốt cho phục vụ sản xuất của người dân.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 so với mức khởi điểm xuất phát năm 2012.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm xuống dưới 2%

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 100% số ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90%.

IV. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác quy hoạch

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới trong năm 2013.

* Nội dung thực hiện: Hoàn thành Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp - Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã

2.1. Giao thông

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Đường trục xã, liên xã: đề xuất nâng cấp, cải tạo đường Trương Văn Đa (dài 8.028 m) và đường Tổ 1 ấp 1 (dài 922 m)

- Đường trục ấp, liên ấp: không đầu tư

- Đường ngõ xóm: nâng cấp, cải tạo 13 tuyến với tổng chiều dài 5,97 km với kết cấu mặt đường bê tông xi măng rộng khoảng 4 m kết hợp rãnh thoát nước.

- Đường trục chính nội đồng: nâng cấp cải tạo 20 tuyến đường nội đồng với tổng

chiều dài 31,368 km với kết cấu mặt đường đá dăm rộng khoảng 4 m, lề 1 m mỗi bên kết hợp rãnh thoát nước.

- Xây dựng 04 cây cầu trên kênh Xáng Ngang

2.2. Thủy lợi

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

- Hệ thống công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

* Nội dung thực hiện:

- Nâng cấp cải tạo 10 công
- Xây dựng Hệ thống đê bao ngăn lũ

2.3. Điện

* Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Cải tạo nâng cấp:
 - + Đường dây hạ thế 31 km, bao gồm các tuyến 1 pha thành 3 pha
- Xây dựng mới:
 - + Đường dây hạ thế 19 km, đường dây trung thế 4,8 km
 - + Hệ thống điện chiếu sáng dọc các tuyến đường xuyên ấp

2.4. Trường học

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Cải tạo nâng cấp: Trường trung học cơ sở: 1.000 triệu đồng
- Xây dựng mới:
 - + Trường mầm non đạt chuẩn: 29.993 triệu đồng. (Quyết định số 4849/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về duyệt dự án đầu tư Xây dựng trường Mầm non Bình Lợi xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh)
 - + Trường tiểu học: 85.000 triệu đồng.

2.5. Y tế

* Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 15 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Xây mới 01 trạm y tế đạt chuẩn (Quyết định số 1161 ngày 23 tháng 3 năm 2011 của UBND huyện Bình Chánh)

2.6. Cơ sở vật chất văn hóa

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Xây dựng mới Văn phòng ban nhân dân kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp 1: 2.000 triệu đồng

- Cải tạo, nâng cấp, mở rộng văn phòng ban nhân dân kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp 2, 3, 4: 6.000 triệu đồng

- Vận động dân, cộng đồng hỗ trợ trang thiết bị hoạt động văn hóa: 400 triệu đồng

2.7. Chợ

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

2.8. Bưu điện

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Bưu điện

2.9. Nhà ở dân cư

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia và theo Quyết định 15 của Ủy ban nhân dân thành phố đến năm 2012: 100% số hộ dân không sống trong nhà tạm, dột nát. Đến năm 2015: 100% số hộ dân có nhà ở kiên cố.

* Nội dung thực hiện:

- Sửa chữa, nâng cấp: 267 hộ x 50 triệu đồng/hộ: 13.350 triệu đồng. Trong đó cần vận động sửa chữa 19 căn nhà tình thương

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

3.1. Phương hướng phát triển các ngành sản xuất:

- Chỉ tiêu phấn đấu:

+ Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 lần đến 1,8 lần so với mức khởi điểm xuất phát năm 2012;

+ Tỷ lệ hộ nghèo đến 2015 giảm từ 6,86% xuống dưới 2%.

+ Tỷ lệ lao động có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động đạt 93% đã đạt tiêu chí, cần duy trì, nâng cao trình độ lao động.

3.1.1. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp với nông nghiệp đô thị đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, dịch bệnh - mang lại hiệu quả kinh tế cao:

◆ Nuôi cá thịt thâm canh:

- Địa điểm dự kiến: khu vực ấp 1 và một phần ấp 2

- Quy mô dự kiến khoảng 320 ha

◆ Nuôi cá kiếng:

- Địa điểm dự kiến: ấp 1

- Quy mô dự kiến: 10 ha

◆ Trồng mai vàng nguyên liệu, trồng mai ghép

- Địa điểm dự kiến phát triển mô hình: một phần khu vực ấp 2 (dọc theo lộ đất đỏ kênh xáng ngang) và khu vực ấp 3, ấp 4.

- Quy mô dự kiến: 80 ha

◆ Trồng mía thâm canh năng suất cao:

- Địa điểm dự kiến: ấp 1, 2, 3, 4

- Quy mô dự kiến: 800 ha

◆ Mô hình VAC kết hợp du lịch sinh thái vườn:

- Địa điểm dự kiến phát triển: khu vực ấp 3, ấp 4 và một phần khu vực ấp 2

- Quy mô dự kiến: 150 ha (vườn, mặt nước, chuồng)

◆ Xây dựng và thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

3.1.2. Các chính sách hỗ trợ:

- Cơ giới hóa sản xuất: khai thác tốt các tiềm năng về đất đai, lao động và lợi thế của xã thông qua giải pháp kích cầu theo Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm: thông qua việc cung cấp thông tin về chủ trương chính sách và tình hình sản xuất các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh của xã;

- Xây dựng mô hình điểm để nhân rộng.

3.2. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11, 12 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Ban quản lý liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện, các trường lân cận và các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động có việc làm.

- Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, trường Đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ Khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

3.3. Các hình thức tổ chức sản xuất cần phát triển:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 13 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

a) *Tuyên truyền, vận động*: nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

b) *Bồi dưỡng, đào tạo* tổ trưởng, tổ phó tổ hợp tác, Ban Chủ nhiệm HTX nhằm nâng cao về năng lực quản lý.

c) *Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu* như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính,...).

d) Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động SX-KD, dịch vụ của các tổ chức kinh tế hợp tác

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

4.1. Giáo dục

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Xây dựng các chương trình như tập huấn KHKT, đào tạo nghề, đào tạo cán bộ tại chỗ, cấp chứng chỉ nghề cho lao động...

4.2. Y tế

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Chỉ tiêu phân đầu

+ Tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm đạt trên 70 %.

+ Xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế đạt chuẩn.

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Các chỉ tiêu phân đầu về đời sống văn hóa:

+ Tỷ lệ xóm, ấp đạt tiêu chuẩn trên 70%, gia đình văn hóa, gương người tốt việc tốt năm 2011 tiếp tục giữ vững và vượt theo chỉ tiêu hàng năm, ấp có trên 80% số hộ đạt gia đình văn hóa, hàng năm có từ 10 đến 15 gương người tốt việc tốt được biểu dương ở ấp.

+ Xây dựng các chỉ tiêu về hoạt động văn hóa, thể thao đối với xã, hàng năm có 80% số cơ quan, đơn vị tại địa bàn đạt tiêu chuẩn công sở văn minh sạch đẹp an toàn, đơn vị văn hóa, 85% số dân thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, 20% số dân tham gia các hoạt động văn nghệ, 25% số dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên.

4.4. Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

- Chỉ tiêu phấn đấu:

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 100%.

+ Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: 100%.

+ Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 100%.

+ củng cố các tổ thu gom và xử lý rác. Thu gom rác khu dân cư tập trung ở các trục đường chính đạt 100%, hộ gia đình sống phân tán tự xử lý rác hợp môi trường.

+ Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước trong thôn xóm.

+ Số cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

+ Quy hoạch và xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang (diện tích khoảng 1,5 ha) tại ấp 3.

+ Trồng cây xanh các tuyến đường, trường học, cơ quan, y tế... vận động dân tham gia các hội thi Môi trường xanh cấp Sở, thành phố (Môi trường xanh, Chủ nhật xanh...).

4.5. Hệ thống chính trị cơ sở, an ninh chính trị và trật tự xã hội

4.5.1. Nâng chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, Đảng viên và nhân dân; đổi mới phương pháp triển khai Nghị quyết cũng như học tập Nghị quyết nhằm động viên, thuyết phục được người nghe.

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức xã đạt chuẩn để đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

+ Thường xuyên giáo dục truyền thống cách mạng của xã nhà cho lực lượng Đoàn viên, thanh niên trong trường học và địa bàn dân cư; đẩy mạnh việc học tập và làm theo “tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đi vào chiều sâu, chủ động ngăn ngừa, đấu tranh, phê phán các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống trong một số cán bộ, Đảng viên.

4.5.2. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa 9 về phát huy sức mạnh Đại đoàn kết dân tộc, công tác dân tộc, công tác tôn giáo trong tình hình mới.

+ Phân công Đảng viên làm tốt công tác vận động nhân dân theo qui định 1043 của Thành ủy xác định công tác vận động nhân dân là của cả hệ thống chính trị từ xã đến ấp.

+ Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, thường xuyên.

+ Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nhân dân, nhất là Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh dự bị động viên, xây dựng qui chế phối hợp giữa các ngành, đoàn thể với Công an - Quân sự.

VI. VỐN VÀ NGUỒN VỐN

1. Tổng vốn:

Tổng vốn: 660.308 triệu đồng (Sáu trăm sáu mươi tỷ ba trăm lẻ tám triệu đồng). Trong đó:

1.1. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: 586.109 triệu đồng (chiếm 88,76%), chia ra cho từng loại công trình:

- Giao thông: 402.837 triệu đồng.
- Thủy lợi: 8.000 triệu đồng.
- Điện: 6.000 triệu đồng.
- Trường học: 115.993 triệu đồng.
- Cơ sở vật chất văn hóa: 8.400 triệu đồng.
- Trạm y tế: 9.029 triệu đồng.
- Bưu điện: 500 triệu đồng.
- Nhà ở dân cư nông thôn: 13.350 triệu đồng.
- Trạm cấp nước: 22.000 triệu đồng.

1.2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 74.199 triệu đồng (chiếm 11,24%).

- Quy hoạch: 2.000 triệu đồng.
- Phát triển kinh tế: 53.199 triệu đồng;
- Các hình thức tổ chức sản xuất: 1.000 triệu đồng;
- Giáo dục đào tạo: 1.500 triệu đồng;
- Chương trình chăm sóc sức khỏe: 2.000 triệu đồng;
- Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh: 500 triệu đồng;
- Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn: 12.000 triệu đồng;
- Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở: 500 triệu đồng;
- An ninh trật tự xã hội: 1.500 triệu đồng.

Bảng: Phân bổ vốn và nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung thực hiện	Chia theo nguồn vốn								
		Vốn ngân sách					Vốn dân	Doanh nghiệp	Tín dụng	Tổng cộng
		Tổng	Vốn NTM	Vốn lồng ghép						
Tập trung	P/cấp huyện			Sự nghiệp						
1	Quy hoạch	2.000	0	0	0	2.000	0	0	0	2.000
2	Hạ tầng kinh tế - Xã hội	503.351	306.961	196.390			75.688	7.070		586.109
3	Kinh tế tổ chức sản xuất	7.720	0	0	0	7.720	20.380	2.500	23.599	54.199
4	Văn hóa xã hội môi trường	4.800	0	0	0	4.800	3.200	3.000	5.000	16.000
5	Hệ thống chính trị an ninh TT	1.000	0	0	0	1.000	1.000	0	0	2.000
Tổng cộng		518.871	306.961	196.390		15.520	100.268	12.570	28.599	660.308

2. Nguồn vốn:

2.1. Vốn từ Ngân sách: 518.871 triệu đồng, chiếm 78,58%.

2.1.1 Vốn nông thôn mới: 306.961 triệu đồng, chiếm 46,49%.

2.1.2 Vốn lồng ghép: 211.910 triệu đồng, chiếm 32,09%.

- Vốn sự nghiệp: 15.520 triệu đồng, chiếm 2,35%

- Vốn ngân sách tập trung: 196.390 triệu đồng, chiếm 29,74%

2.2. Vốn cộng đồng đóng góp: 112.838 triệu đồng, chiếm 17,09%.

2.2.1 Vốn nhân dân đóng góp: 100.268 triệu đồng, chiếm 15,19%.

2.2.2 Vốn doanh nghiệp: 12.570 triệu đồng, chiếm 1,90%.

2.3. Vốn vay tín dụng: 28.599 triệu đồng, chiếm 4,33%.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Qui mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ:

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1. Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ

Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

3.2. Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng

viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Bình Chánh và xã Bình Lợi; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm

bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Bình Lợi.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bình Lợi, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Bình Lợi.

4.3. Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2508/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới
xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 15/TTr-BQL, ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 404/TB-TCT-PTNT ngày 17 tháng 12 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số: 676/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 23 tháng 4 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thới Tam Thôn nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thới Tam Thôn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới
xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2508/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG XÃ THỚI TAM THÔN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý:

Xã Thới Tam Thôn - huyện Hóc Môn nằm về phía Tây Bắc của ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm Thành phố khoảng 20km và cách trung tâm hành chính huyện Hóc Môn khoảng 2km.

- Phía Bắc giáp xã Tân Hiệp ngăn cách bởi rạch Hóc Môn (sông Rạch Tra).
- Phía Đông giáp xã Đông Thạnh bởi ấp Trung Đông và Tam Đông 3.
- Phía Nam giáp xã Trung Chánh và phường Tân Chánh Hiệp (quận 12).
- Phía Tây giáp xã Tân Xuân và thị trấn Hóc Môn.

Xã Thới Tam Thôn có đường giao thông xuyên suốt đến thành phố, thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh, hàng hóa nông sản dễ tiếp cận thị trường, đồng thời giảm chi phí vận chuyển.

2. Các đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, thủy văn:

- Địa hình: Xã Thới Tam Thôn là vùng khá bằng phẳng, độ cao trung bình 15 - 20m so với mực nước biển.

- Thổ nhưỡng: Gồm 2 loại đất chính:

Đất phèn gốc tụ: phân bố ở phía Bắc của xã, giáp với sông Rạch Tra, tầng đất mặt sâu 40 - 50cm, độ pH dao động 4,5 - 5, hàm lượng chất hữu cơ trong đất cao,

các chất Fe, Al ở mức trung bình của tầng đất mặt nhưng tăng khá cao khi đi sâu vào tầng dưới.

Đất phù sa trên nền phèn: phân bố hầu hết các vùng còn lại của xã, tầng đất mặt tương đối dày trên 50cm, thành phần cơ giới cát nhiều hơn nên dễ thoát nước không gây ngập úng, đây là loại đất tốt thích hợp cho trồng rau và cây lâu năm khác.

- Khí hậu: Xã Thới Tam Thôn thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có 2 mùa rõ rệt là mùa mưa từ tháng 5 - 10 và mùa khô từ tháng 11 - 4 năm sau.

- Thủy văn: Xã Thới Tam Thôn chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều của sông Sài Gòn. Triều cường thường xảy ra hàng tháng theo 2 con nước là giữa và đầu tháng theo âm lịch. Vào tháng 9 và tháng 11 thường có những con nước lớn kết hợp với lúc xả nước của hồ Dầu Tiếng mực nước có thể rất cao (1,3m) gây ngập úng cục bộ trên địa bàn cánh đồng áp Trung Đông.

3. Các nguồn tài nguyên:

3.1. Tài nguyên đất:

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là: 894,33 ha. Trong đó diện tích đất nông nghiệp: 520 ha, chiếm 58,1% diện tích của xã; đất phi nông nghiệp: 373,49 ha.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp: 515 ha (gồm: diện tích đất trồng cây hàng năm: 260 ha, đất trồng cây lâu năm: 255 ha); còn lại 5 ha đất nuôi trồng thủy sản. Trên thực tế đất sản xuất nông nghiệp có hiệu quả kinh tế không nhiều, vì những biến động về thị trường như giá đầu vào và chi phí sản xuất cao nhưng giá đầu ra thấp và bấp bênh nên người dân không dám mạnh dạn đầu tư...

3.2. Tài nguyên nước:

Trên địa bàn của xã có tổng cộng 18 kênh, rạch, cống và rông. Trong đó có 3 cống, 2 rông, 7 rạch và 6 kênh. Hệ thống kênh, rạch của xã phân bố chủ yếu tập trung ở phía Tây Nam thuộc địa bàn áp Trung Đông. Vào mùa nắng nhờ sự điều tiết của hồ Dầu Tiếng nên chất lượng nước được cải thiện, ít bị nhiễm phèn, ít bị nhiễm mặn so với các vùng khác.

4. Nhân lực:

Tổng số nhân khẩu của xã là: 63.339 người. Trong đó nữ: 29.903 người, nam: 33.436 người. Mật độ dân số bình quân 7.083 người/km². Toàn xã có 11.968 hộ, trong đó có 81 hộ dân tộc khác, chiếm 0,41%. Nhân khẩu tại địa phương là 32.709 nhân khẩu, nhân khẩu tạm trú (KT2, KT3 và KT4) là 30.630 người chiếm tỷ lệ 48,36% dân số toàn xã.

Dân số của xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung trên các tuyến đường Nguyễn Ảnh Thủ, Tô Ký, Đặng Thúc Vịnh và các trục lộ giao thông trong xã.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch:

Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Giao thông:

Hiện tại tổng số tuyến của xã đã được đầu tư và số tuyến chưa được đầu tư với số lượng như sau:

+ Tuyến trục xã, liên xã: 11.624m - 11 tuyến;

+ Tuyến đường trục ấp, liên ấp: 23.865m - 17 tuyến. Đã được nhựa hóa: 17.800m - 8 tuyến;

+ Các tuyến trong xóm và nội ấp: 40.530m - 329 tuyến. Đã được bê tông, đá mi: 13.530m - 28 tuyến;

+ Các tuyến nội đồng: 6.868 km - 11 tuyến. Đã được cứng hóa: 05km - 04 tuyến.

2.2. Thủy lợi:

Hầu hết các tuyến kênh thuộc quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các kênh hiện có trên địa bàn xã có tác dụng thoát nước và chống ngập úng là chính; hiện trạng đang bị cỏ che phủ khoảng 70% diện tích mặt nước, một số kênh có bờ bao còn thấp và bị bồi lắng, thường bị ngập úng khi có mưa lớn và triều cường.

Hiện vẫn còn 10 kênh, rạch có bờ bao còn thấp và bị cỏ che lấp cản trở dòng chảy. Do đó cần có kế hoạch nạo vét khai thông dòng chảy và gia cố bờ bao để phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp cũng như phục vụ đời sống dân sinh.

2.3. Điện:

Số trạm biến áp trên địa bàn xã Thới Tam Thôn có 127 trạm với công suất 35.070 KVA;

Đường dây trung thế: 24,1 km;

Đường dây hạ thế: 52,9 km;

Bóng đèn chiếu sáng: 2.234 bóng.

2.4. Trường học:

Cấp giáo dục Mầm non, hiện xã có 2 trường Mầm non công lập gồm trường Mầm non 2 tháng 9 và Mầm non Bông Sen.

- Trường Mầm non 2/9 có 1 cơ sở chính và 1 phân hiệu; tổng số diện tích trường: 1206 m²; tổng số phòng học là 12; giáo viên của trường là 25.

- Trường Mầm non Bông Sen ở ấp Nam Thới và 01 phân hiệu thuộc địa bàn ấp Đông; tổng số diện tích trường: 600 m²; tổng số phòng học: 10; giáo viên của trường là 21.

- Trường tiểu học Thới Tam có tổng diện tích 4.966m²; có 38 phòng học và 08 phòng hành chính; cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ giáo viên đạt chuẩn. Tuy nhiên do địa bàn dân số đông nên sĩ số lớp chưa đảm bảo.

- Trường tiểu học Tam Đông có tổng diện tích 6.984m², bình quân 5,08m²/học sinh, có 16 phòng học. Đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn. Chưa đạt chuẩn.

- Trường tiểu học Tam Đông 2 có tổng diện tích 10.233m², bình quân 7,4m²/học sinh, có 22 phòng học và 06 phòng hành chính cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ giáo viên tương đối tốt.

- Cấp trung học, hiện xã có 01 trường Trung học cơ sở là Tam Đông 1 với quy mô 1 trệt và 2 lầu. Tổng diện tích 9.678m², có tổng số 32 phòng học, 21 phòng hành chính và chức năng, cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giáo viên tương đối tốt.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

Xã Thới Tam Thôn chưa có trung tâm văn hóa - thể thao xã. Nhưng do vị trí địa lý xã gần trung tâm văn hóa huyện nên người dân của xã dễ dàng tiếp cận với các hoạt động văn hóa - thể dục - thể thao được tổ chức tại đây.

Hiện xã có tổng cộng 09 ấp. Trong đó ấp Đông đã có trụ sở ban nhân dân ấp và nhà văn hóa ấp, 02 ấp đã có đất, ấp chưa có diện tích không đạt chuẩn theo tiêu chí (<300 m²), 03 ấp hiện đang thuê trụ sở là nhà dân.

2.6. Chợ:

Thới Tam Thôn có một siêu thị ở ấp Thới Tứ và một số cửa hàng thực phẩm do

Vissan đầu tư trên địa bàn xã đáp ứng được phần nào nhu cầu mua sắm cho nhân dân. Đây là điểm thương mại theo hướng văn minh, phù hợp với xu hướng phát triển và cũng là một điển hình của xã.

Trong quy hoạch mới của huyện Hóc Môn, xã Thới Tam Thôn không có quy hoạch chợ.

2.7. Bưu điện:

Xã không đầu tư, xây dựng điểm bưu chính viễn thông xã.

Thới Tam Thôn gần kề với thị trấn Hóc Môn nên việc người dân tiếp cận với bưu điện, điểm phục vụ bưu chính viễn thông hiện đại của huyện khá thuận lợi. Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định khá cao 95%. Hầu hết mỗi gia đình trong xã đều có điện thoại di động.

2.8. Nhà ở dân cư nông thôn:

Thới Tam Thôn có tỷ lệ nhà xây dựng kiên cố và bán kiên cố đạt 99,5%. Số lượng nhà tạm bợ là 29 căn của người dân thường trú. Hàng năm xã dự kiến xét hỗ trợ khoảng 15 căn theo diện xây dựng nhà tình thương.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất:

3.1. Kinh tế:

- Cơ cấu kinh tế hiện nay của xã: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp.

Thới Tam Thôn là xã nông thôn ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh, song lại là xã có tốc độ đô thị hóa nhanh nên cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành Nông nghiệp.

- Thu nhập bình quân/người/năm của xã là: 18 triệu đồng < 24 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo hiện toàn xã còn 886/11.899 hộ, chiếm 7,44%.

3.2. Lao động:

Tổng số nhân khẩu của xã là: 63.339 người. Trong đó lao động trong độ tuổi của xã là 38.600 người. Trong đó lao động nữ là 18.265 người (chiếm tỷ lệ 47,32% trong tổng số lao động), lao động nam là 20.335 người (chiếm tỷ lệ 52,58% trong tổng số lao động).

Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm là 37.751/38.600 lao động, chiếm 97,80% tổng lao động trong độ tuổi của xã (> 90% theo bộ tiêu chí của thành phố).

3.3. Hình thức tổ chức sản xuất:

Trên địa bàn xã có 1 hợp tác xã sản xuất hoa lan, 2 tổ hợp tác sản xuất và tiêu thụ rau an toàn (Tổ hợp tác Trung Đông với 22 thành viên, Tam Đông với 18 thành viên) và 01 tổ hợp tác sản xuất và tiêu thụ hoa lan, cây cảnh với 15 tổ viên.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Văn hóa - giáo dục:

- Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn xã văn hóa đạt 1/9 ấp; phổ cập giáo dục trung học bình quân hàng năm đạt >72%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề...) đạt 98%; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 68,43% (< 70%) tương đương với 26.248 lao động, trong đó lao động nữ qua đào tạo là 11.864 chiếm 45,2%.

4.2. Y tế:

Hiện tại, Thới Tam Thôn được công nhận chuẩn quốc gia về y tế. Tổng số người tham gia bảo hiểm y tế của xã Thới Tam Thôn là 45.287/63.339 người, đạt tỷ lệ 71,5%.

4.3. Môi trường:

Hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 100%. Hiện tại người dân Thới Tam Thôn khai thác nguồn nước ngầm để sử dụng.

Trên địa bàn xã có 09 đơn vị thu gom rác dân lập, giải quyết phần nào rác thải hàng ngày của của các hộ dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã. Tuy nhiên, số hộ tham gia rác dân lập còn thấp là 6.867 hộ chiếm 57,24% tỷ lệ số hộ trên địa bàn xã.

Hiện nay, trên địa bàn huyện đã có quy hoạch nghĩa trang tập trung (nghĩa trang Đông Thạnh), định hướng người dân của xã chôn cất người thân ở nghĩa trang huyện.

5. Hệ thống chính trị:

5.1. Hệ thống chính trị của xã gồm:

- Xã có 1 Đảng bộ cơ sở với 19 chi bộ và 342 đảng viên.
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã: gồm 35 thành viên, ban thường trực 05 (trong đó thường trực 02 là Chủ tịch và Phó Chủ tịch).
- + Đoàn thanh niên: có 295 đoàn viên, Ban chấp hành là 15 và thường trực là 02.
- + Hội Nông dân: gồm 824 hội viên, Ban chấp hành 13, thường vụ 03, thường trực 02.

+ Hội Phụ nữ: có 8.907 hội viên, thành viên Ban chấp hành 15, thường trực 02.

+ Hội Người cao tuổi: 1.114 hội viên, thành viên Ban chấp hành 23, thường vụ 03.

+ Hội Chữ thập đỏ: 633 hội viên, thành viên Ban chấp hành 13, thường trực 01.

+ Hội Cựu Chiến binh: 304 hội viên, thành viên Ban chấp hành 15, thường trực 02.

5.2. Tình hình trật tự xã hội an ninh trên địa bàn:

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã luôn được giữ vững, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định, công tác tuần tra, kiểm tra trên các tuyến đường trọng điểm của xã được thực hiện thường xuyên với sự phối hợp giữa lực lượng công an, quân sự và các ban, ngành liên quan.

- Công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia phát hiện và tố giác tội phạm kịp thời được nhân dân tích cực tham gia.

- Duy trì và thành lập Tổ Nhân dân tự quản, Tổ công nhân nhà trọ tự quản dần đi vào hoạt động ổn định và mang lại hiệu quả thiết thực trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn.

6. Các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã:

Trong thời gian qua, trên địa bàn xã Thới Tam Thôn có một số chương trình và dự án vừa kết thúc trong năm 2010:

- Dự án công trình tuyến đường TTT-13, TTT-3, TTT-4;

- Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã chuyển đổi 118 ha từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất sản xuất nông nghiệp khác có hiệu quả kinh tế cao hơn trên địa bàn;

- Chương trình hỗ trợ lãi vay theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND, đã lập hồ sơ và giải ngân cho 34 hộ với số tiền là 4,6 tỷ đồng.

Các chương trình, dự án đang thực hiện:

- Dự án công trình trụ sở ban nhân dân ấp Tam Đông 1 với quy mô 100m², kinh phí đầu tư 300 triệu đồng;

- Dự án công trình đường giao thông TTT-11A với kinh phí 4 tỷ đồng;

- Dự án công trình trường tiểu học Tam Đông 2 với kinh phí 40 tỷ đồng;

- Chương trình xóa đói giảm nghèo theo tiêu chí mới cho diện thu nhập bình quân ≤ 12 triệu đồng/người/năm;

- Dự án cho vay vốn từ các nguồn tín dụng (Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, sản xuất kinh doanh; quỹ hỗ trợ sinh viên nghèo; quỹ Hội Phụ nữ, Nông dân, Cựu Chiến binh...);

- Chương trình sản xuất rau an toàn theo mô hình Việt - Gap trên địa bàn xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

Thới Tam Thôn có nguồn tài nguyên đất đai phong phú, nguồn nước ngầm đa dạng dễ khai thác đảm bảo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thương mại dịch vụ.

Đội ngũ cán bộ, công chức xã đa phần có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, am hiểu từng vùng đất; nắm vững vị trí địa lý và am hiểu phong tục tập quán người dân địa phương, đây là nguồn nhân lực không kém phần quan trọng phục vụ cho việc xây dựng và thực hiện đề án nông thôn mới trên địa bàn xã.

Về lao động: Phần lớn nhân dân trong xã có trình độ học vấn từ cấp II trở lên nên việc tiếp cận thông tin, chủ trương của Đảng và Nhà nước nhanh, lao động công nghiệp có trình độ chuyên môn ngày càng cao, khoa học công nghệ kỹ thuật ngày càng được áp dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp cũng như các ngành nghề khác, góp phần nâng cao chất lượng, số lượng và giá trị sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập và đời sống nhân dân trên địa bàn xã ngày càng được nâng cao về vật chất lẫn tinh thần.

Cơ sở vật chất: Các tuyến đường trong xóm ấp từng bước được Nhà nước đầu tư nâng cấp tráng nhựa tạo thuận lợi cho nhân dân đi lại, kinh doanh sản xuất, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, từng bước làm thay đổi nền kinh tế của xã về lượng cũng như về chất.

Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được toàn thể cán bộ, công chức xã tham gia, làm thay đổi tác phong, tư duy, phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức ngày càng chuyển biến theo chiều hướng tích cực, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, công tác cải cách hành chính đã được triển khai thực hiện nghiêm túc ở cơ quan.

Công tác chăm lo cho diện chính sách và dân nghèo của xã luôn được chú trọng

quan tâm và thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được triển khai thực hiện, các gương điển hình năm sau cao hơn năm trước, tình đoàn kết trong xóm làng được nâng lên, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, tạo được lòng tin trong nhân dân đối với Đảng, chính quyền ngày được nâng lên. Các công trình nhà nước và nhân dân cùng làm được nhân dân luôn đồng tình ủng hộ, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện và sinh hoạt văn hóa, hoạt động thể dục thể thao ngày càng nhiều người dân, tổ chức tham gia.

2. Khó khăn:

Lực lượng lao động chưa qua đào tạo chuyên môn còn cao, một số lượng lớn lao động chủ yếu đi làm thuê để nuôi sống gia đình hàng ngày.

Tỷ lệ tăng dân số cơ học cao, số dân nhập cư tạm trú đông gây nhiều áp lực cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng, chăm lo đời sống, công tác quản lý của chính quyền gặp nhiều khó khăn. Nhu cầu nhà ở phát sinh ngày càng cao dẫn đến tình trạng xây dựng không theo quy hoạch, không đảm bảo chất lượng.

Ảnh hưởng của biến động giá cả thị trường nên giá thành sản phẩm nông nghiệp không ổn định, giá vật tư nông nghiệp liên tục tăng, chi phí sản xuất cao, sản xuất nông nghiệp đôi khi không có lãi, thậm chí có hộ bị lỗ, việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn nhiều khó khăn, chủ yếu do người dân tự tìm nơi tiêu thụ, người dân chưa mạnh dạn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

Với tốc độ tăng dân số cơ học cao như hiện nay, xã Thới Tam Thôn sẽ chịu áp lực rất lớn về nhu cầu hạ tầng phục vụ cho nhân dân như: giao thông, trường học, tụ điểm văn hóa - thể thao... Bên cạnh đó công tác quản lý hành chính cũng sẽ càng khó khăn hơn rất nhiều, tình hình an ninh trật tự là thách thức lớn.

Chưa có những mô hình sản xuất nông nghiệp có quy mô lớn. Một số mô hình sản xuất có hiệu quả chưa được nhân rộng do gặp khó khăn về vốn, kỹ thuật nhất là đầu ra của sản phẩm.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng xã Thới Tam Thôn trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp

hóa - hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng xã Thới Tam Thôn trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ - để tổng kết làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế chính sách nhân rộng cho các xã khác sau năm 2015.

2. Mục tiêu cụ thể:

Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: đạt 8/19 tiêu chí, gồm: 4, 7, 8, 9, 12, 13, 18, 19;
- Năm 2013: 10/19 đạt thêm 02 tiêu chí 1, 15;
- Năm 2014: 16/19 đạt thêm 06 tiêu chí 2, 3, 5, 6, 14, 17;
- Năm 2015: 19/19 đạt thêm 03 tiêu chí 10, 11, 16.

Các nội dung thực hiện:

- Thu nhập bình quân đầu người năm tăng ít nhất từ 1,5 lần so với lúc xây dựng đề án (không thấp hơn 37 triệu đồng/người/năm). Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm dưới 2%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp.

- Lao động qua đào tạo và có việc làm đến năm 2015 đạt trên 70%. Trong đó lao động nữ chiếm khoảng 40%.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh. Trong đó quy hoạch sản xuất Rau an toàn; Nấm bào ngư; Hoa lan - cây kiểng; các loại thú nuôi hoang dã.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. Với các tuyến giao thông trục từ xã tới các ấp được nhựa hóa 100%, trục nối giữa các ấp, tổ trong ấp, liên tổ được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học. Ít nhất có một trường tiểu học và một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với 7/9 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; phấn đấu các cơ sở sản xuất không ô nhiễm, đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Trong đó, tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn là 100%; hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và từ tiên tiến trở lên. An ninh trật tự xã hội luôn được giữ vững.

3. Các phương châm thực hiện đề án:

- Mô hình nông thôn mới được thực hiện theo phương châm dựa vào nội lực của cộng đồng địa phương. Ngân sách thành phố hỗ trợ một phần trực tiếp để phát huy sự đóng góp của người dân và cộng đồng.

- Các hoạt động cụ thể của từng mô hình thí điểm do chính người dân ở mô hình tự đề xuất và thiết kế trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định thông qua cộng đồng; Các cấp ủy Đảng và chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành quá trình thực thi chính sách, cơ chế, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nguồn lực hoạch định và tạo điều kiện, động viên tinh thần... cho người dân thực hiện vai trò làm chủ thông qua cộng đồng.

- Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trước hết, phát động phong trào toàn dân thi đua thực hiện. Tùy tình hình cụ thể để đưa ra mục tiêu phấn đấu hoàn thành một số chỉ tiêu cho từng năm và cả giai đoạn; phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường, vươn lên của nông dân; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú làm nền tảng tinh thần của giai cấp nông dân, tạo động lực cho quá trình xây dựng nông thôn mới.

4. Giới hạn phạm vi đề án:

- Đề án đề ra các mục tiêu nhằm xây dựng và hoàn thành kế hoạch phát triển tổng thể xã theo các tiêu chí nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009, trong đó tập trung vào các nhóm vấn đề như: Quy hoạch; Hạ tầng kinh tế - xã hội; Kinh tế và tổ chức sản xuất; Văn hóa - xã hội - môi trường; Hệ thống chính trị được nghiên cứu vận dụng trên địa bàn đến năm 2015.

- Đề án tập trung đánh giá và đề xuất đổi mới một số cơ chế chính sách để người dân tự ý thức, trách nhiệm tham gia xây dựng nông thôn của mình gắn với việc trao quyền xây dựng nông thôn mới cho cộng đồng cơ sở, phát huy dân chủ ở cơ sở, huy động tốt hơn nguồn lực và đẩy nhanh hơn tiến độ xây dựng nông thôn; cơ chế quản lý sử dụng vốn ngân sách cho đầu tư hạ tầng nông thôn trên cơ sở nhà nước và nhân dân cùng làm, cơ chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản...

- Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác Quy hoạch:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 1 theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới trong năm 2012.

b) Nội dung thực hiện: Tiếp tục thực hiện đề án quy hoạch xã nông thôn mới theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch của Ủy ban nhân dân huyện, dự kiến đến quý II năm 2013 hoàn thành đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Giao thông:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới trong năm 2014.

b) Nguyên tắc đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư các đường giao thông liên xã, đường giao thông trục chính kết nối mạng lưới giao thông với quốc lộ, tỉnh lộ hoặc trục đường chính của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

- Thực hiện quy mô đầu tư theo Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Trường hợp mặt đường hiện trạng lớn hơn theo quy định của Quyết định số 315/QĐ-BGTVT thì thực hiện đầu tư theo hiện trạng.

c) Nội dung thực hiện:

- Đường trục xã, liên xã: láng nhựa, vỉa hè kèm hệ thống thoát nước 03 tuyến với chiều dài 3.699m

- Đường trục ấp, liên ấp: láng nhựa, vỉa hè kèm hệ thống thoát nước 08 tuyến với chiều dài 5.202m.

- Đường trong ngõ xóm: cứng hóa bằng bê tông xi măng 301 tuyến với chiều dài 27.000m.

- Đường trục chính nội đồng: cứng hóa, đá mi 05 tuyến, chiều dài 1.868m.

2.2. Thủy lợi:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Nạo vét khai thông dòng chảy, gia cố bờ bao và kết nối giao thông 10 tuyến kênh, rạch tương đương 6.898m tạo thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp.

Đến năm 2014, hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã.

2.3. Điện:

a) Mục tiêu: Duy trì - nâng chất tiêu chí 4 theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Vận động, tuyên truyền và có chính sách hỗ trợ người dân sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm (đèn huỳnh quang thay thế đèn dây tóc).

- Trạm biến áp: lắp mới: 57 trạm - công suất: 10.260 KVA. Trạm tăng áp nâng cấp: 7 trạm - công suất: 1.287 KVA.

- Đường dây trung thế: lắp mới: 2,08 km; cải tạo: 1,71 km.

- Đường dây hạ thế: lắp mới 4,2 km; cải tạo: 0,32 km.

- Bóng đèn chiếu sáng dân lập: lắp mới 200 bóng; sửa chữa: 637 bóng.

Người dân góp tiền mua cả bộ bóng đèn, điện lực hỗ trợ công lắp đặt.

2.4. Trường học:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 theo Bộ tiêu chí quốc gia trong năm 2014.

b) Nội dung thực hiện:

Trường Mầm non: Xây mới trường Mầm non 2 tháng 9 (vị trí công ty Đông Thiên, ấp Thới Tứ) đạt chuẩn quốc gia (*Công văn số 1793/UBND ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nhà đất số 100E ấp Thới Tứ, xã Thới Tam Thôn và giao Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình chủ trì các phòng ban có liên quan lập dự án xây dựng mới trường Mầm non 2/9 theo quy định*).

Xây mới trường Tiểu học Thới Tam 1 (vị trí mặt tiền đường Tô Ký, ấp Tam Đông 1) (*Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường TH Thới Tam 1 (Nguồn vốn: Vốn tập trung do Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện làm chủ đầu tư)*).

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới đến năm 2014.

b) Nội dung thực hiện:

Xây dựng trụ sở Ban nhân dân các ấp, kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao ấp, với một số công năng chính như làm nơi tập hợp nhân dân vui chơi văn hóa lành mạnh, trao đổi kinh nghiệm để người dân mở mang kiến thức và phát triển kinh tế - xã hội. Do diện tích đất công của xã không còn nên việc xây dựng các Ban nhân dân ấp và kết hợp nhà văn hóa hiện đang gặp rất nhiều khó khăn.

Xây dựng mới nhà văn hóa các ấp sinh hoạt theo cụm có kết hợp hoạt động trung tâm học tập cộng đồng.

2.6. Chợ:

a) Mục tiêu: Nâng chất tiêu chí chợ trong suốt quá trình xây dựng nông thôn mới của xã.

b) Nội dung: Giải tỏa các chợ tự phát trên địa bàn gồm chợ Bấp ấp Đông, chợ Thới Tam Thôn 6 ấp Đông 1, chợ Thới Tứ ấp Thới Tứ và Trung Đông; nhằm tạo cảnh quan môi trường thông thoáng và đảm bảo an toàn giao thông được thông suốt.

2.7. Bưu chính - viễn thông:

a) Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 8 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung:

100% doanh nghiệp, điểm thương mại dịch vụ trên địa bàn xã ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, kinh doanh.

2.8. Nhà ở dân cư:

a) Mục tiêu: Đến cuối năm 2013 đạt yêu cầu tiêu chí số 9 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ cộng đồng xây dựng 29 căn nhà tình thương, mức hỗ trợ (20 triệu đồng/căn).

- Thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng về nhà ở. Chính trang nhà ở các khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển, đảm bảo về mỹ quan khu dân cư nông thôn ven đô.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức:

3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập:

a) Mục tiêu: Đến cuối năm 2015 đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

+ Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 tăng ít nhất 1,5 -1,8 lần so với lúc xây dựng đề án (không thấp hơn 37 triệu đồng/người/năm).

Tăng trưởng bình quân công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp đạt trên 12,5%/năm.

Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 3 của thành phố đạt thu nhập trên 12 triệu/người/năm vào năm 2015 và giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 xuống còn dưới 2%.

Kết hợp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho 590 hộ nghèo.

Phần đầu đào tạo nghề cho lao động đạt trên 70% tổng số lao động trên địa bàn xã trong đó có 40% là lao động nữ.

3.1.1. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh, môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao:

- Khuyến khích mở rộng các điểm thương mại - dịch vụ có ích phục vụ nhu cầu giúp phát triển đời sống của người dân.

Nông nghiệp:

Hướng đến đặc thù của thị trường thành phố Hồ Chí Minh là đa dạng sản phẩm, phục vụ thị dân vì vậy nên hướng dẫn người dân sản xuất sản phẩm có lợi thế theo hướng thị trường và hàng hóa.

Khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng đô thị, diện tích đất ít nhưng hiệu quả kinh tế cao và tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường. Xã quy hoạch ổn định vùng đất sản xuất nông nghiệp để Nhà nước hỗ trợ cho quy hoạch hạ tầng cơ bản (đường, điện, cấp nước và xử lý chất thải...) phục vụ sản xuất. Trước mắt, chuyển đổi diện tích cây con kém hiệu quả, diện tích đất bỏ hoang, bị nhiễm phèn sang xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp với nông nghiệp đô thị đảm bảo phòng, chống dịch bệnh, đào tạo kiến thức cho các chủ hộ.

- Trồng trọt: Giảm diện tích trồng lúa, tăng diện tích rau an toàn, nấm, hoa lan, cây kiểng, cây lâu năm...

- Chăn nuôi: Tăng quy mô đàn bò sữa, heo nhưng không mở rộng hộ.

Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn phù hợp với nông nghiệp đô thị đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh, môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao:

+ Mô hình các loại rau an toàn theo hướng VietGap, rau nhà lưới: Quy mô 50 ha (Trong đó có 20 ha VietGap).

+ Mô hình trồng nấm bào ngư: Quy mô 01 ha.

+ Hoa lan, cây kiểng các loại: Quy mô 22 ha.

+ Mô hình nuôi nhím: Quy mô 1.500 con.

+ Mô hình nuôi cá sấu: Quy mô 2.000 con.

3.1.2. Xây dựng các mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn:

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn huy động vốn để đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh hướng đến xuất khẩu.

- Phát triển ngành thủ công mỹ nghệ, may gia công đa dạng sản phẩm.

3.2. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

b) Nội dung thực hiện:

Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 3 của thành phố đạt thu nhập trên 12 triệu/người/năm vào năm 2015 và giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 xuống còn dưới 2%;

Kết hợp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho 590 hộ nghèo;

Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách;

Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi, cho vay vốn để hộ nghèo phát triển kinh tế khoảng 500 suất; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế.

3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm:

a) Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 12.

Hiện trạng tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm là 37.751/38.600 lao động chiếm 97,80% tổng lao động trong độ tuổi của xã.

b) Nội dung thực hiện:

Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn, cụ thể:

+ Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

+ Vận động tự đi học, doanh nghiệp đào tạo,...: 5.000 lao động.

+ Hỗ trợ giải quyết việc làm cho khoảng 500 lao động.

3.4. Các hình thức tổ chức cần phát triển:

a) Mục tiêu: Nâng cao hiệu quả tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

Thành lập mới 2 tổ hợp tác và 01 hợp tác xã;

Củng cố hoạt động của 2 tổ hợp tác.

Mở rộng hợp đồng tiêu thụ nông sản. Thực hiện chính sách thúc đẩy liên kết

kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn: Liên hiệp hợp tác xã cùng ngành nghề, liên tổ hợp tác, liên kết doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác...

** Công việc thực hiện:*

- Tăng cường công tác tuyên truyền về kinh tế hợp tác...
- Phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai các chương trình gặp gỡ giữa doanh nghiệp và các tổ hợp tác, hợp tác xã trên địa bàn xã.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

4.1. Giáo dục:

a) Mục tiêu: Duy trì phổ cập giáo dục trung học đạt tiêu chuẩn của Phòng Giáo dục và Sở.

Đến năm 2015 đạt tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia.

b) Nội dung: Tích cực thực hiện công tác phổ cập giáo dục để duy trì và nâng chất đã đạt.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục theo học trung học phổ thông, trung học bổ túc, trung học nghề...

Đào tạo nghề cho ít nhất 1.400 lao động.

4.2. Y tế:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Tích cực vận động người tham gia bảo hiểm y tế. Duy trì tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm trên 70% trong tổng số dân trên địa bàn xã.

Duy trì y tế xã đạt chuẩn quốc gia và nâng cao chất lượng phục vụ y tế ngày càng tốt hơn:

+ Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, phổ biến sâu rộng đến nhân dân về các dịch vụ y tế;

+ Thiết kế khu trung bày thuốc nam;

+ Xây mới Trạm y tế khang trang và đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng trong toàn thể nhân dân, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn ấp.

Triển khai dần từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

- Xây dựng đời sống văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở ở xã. Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa, xã văn hóa.

Hiện tại chưa có ấp đạt ấp văn hóa.

Phấn đấu:

+ Năm 2012: đạt 02 ấp văn hóa.

+ Năm 2013: đạt ít nhất 05 ấp văn hóa.

+ Năm 2014: đạt ít nhất 07 ấp văn hóa.

4.4. Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

Xây mới hệ thống cấp nước sinh hoạt. Đang chờ huyện chọn địa điểm. Hàng năm lấy mẫu nước kiểm tra chất lượng nước để có hướng xử lý kịp thời;

Phấn đấu hạn chế tối đa các hoạt động suy giảm môi trường và tăng cường các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp;

Đẩy mạnh công tác kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm môi trường trên địa bàn xã;

Di chuyển số cơ sở ngành nghề gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư, khuyến khích xây dựng hầm biogas nhất là những cơ sở gần khu dân cư;

Thành lập ở mỗi ấp 01 tổ chức thu gom rác dân lập. Vận động hộ dân đăng ký đổ rác dân lập;

Trồng 5.000 cây xanh nhằm tạo cảnh quan môi trường sống xanh, sạch và thoáng mát;

Đặt 100 thùng rác tại các nơi công cộng.

5. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự xã hội:

5.1. Hệ thống chính trị:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Xây dựng Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”: Đảng bộ hoặc chi bộ cơ sở “Trong sạch, vững mạnh” phải đảm bảo 05 yêu cầu theo quy định. Chính quyền “Trong sạch, vững mạnh” đảm bảo 07 yêu cầu theo quy định.

5.2. An ninh chính trị và trật tự xã hội:

a) Mục tiêu: Duy trì - nâng chất tiêu chí số 19 theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện:

Củng cố lực lượng dân quân, chỉ tiêu giao quân đạt 100%, thực hiện các nhiệm vụ cấp trên giao, thực hiện sẵn sàng chiến đấu;

Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, kéo giảm phạm pháp hình sự xuống dưới 3%, phá các vụ án hình sự được 70%...;

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp giữ ổn định chính trị và xã hội “Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ” đạt từ khá trở lên;

Không để xảy ra hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng. Không để xảy ra các hoạt động chống đối Đảng, chính quyền, phá

hoại khối đại đoàn kết toàn dân. Không để xảy ra các hoạt động gây rối an ninh trật tự.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, dự kiến: 665.323 triệu đồng, gồm:

1.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 397.922 triệu đồng (chiếm 59,81%);

1.2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 267.401 triệu đồng (chiếm 40,19%).

2. Nguồn vốn:

2.1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 302.754 triệu đồng, chiếm 45,5%; trong đó:

+ Vốn Nông thôn mới: 119.628 triệu đồng, chiếm 17,98%.

+ Vốn lồng ghép: 183.126 triệu đồng, chiếm 27,52%; chia ra

* Vốn ngân sách tập trung: 154.500 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp thẩm quyền);

* Vốn phân cấp huyện: 8.215 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp thẩm quyền);

* Vốn sự nghiệp: 20.411 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).

2.2. Vốn cộng đồng đóng góp: 292.269 triệu đồng, chiếm 43,93%; trong đó:

+ Vốn dân: 212.846 triệu đồng.

+ Vốn doanh nghiệp: 79.423 triệu đồng.

2.3. Vốn vay tín dụng: 70.300 triệu đồng, chiếm 10,57%.

2.4. Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ:

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1. Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc

gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

3.2. Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thới Tam Thôn:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thới Tam Thôn xây

dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thới Tam Thôn triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Hóc Môn và xã Thới Tam Thôn; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thới Tam Thôn cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm để đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Thới Tam Thôn.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Thới Tam Thôn, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Thới Tam Thôn.

4.3. Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2509/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Phước Thạnh,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 24/TTr-BQL, ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi giai đoạn 2012 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 404/TB-TCT-PTNT ngày 17 tháng 12 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 677/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 23 tháng 4 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và

các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh - huyện Củ Chi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2509/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG XÃ PHƯỚC THẠNH - HUYỆN CỦ CHI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:

1. Vị trí địa lý:

Xã Phước Thạnh nằm về phía Tây Bắc của huyện Củ Chi, cách trung tâm huyện 8 km và trung tâm thành phố 44 km.

Xã có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Trung Lập Hạ và xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.
- Phía Tây giáp xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi và tỉnh Tây Ninh.
- Phía Nam giáp xã Thái Mỹ, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.
- Phía Bắc giáp xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi và tỉnh Tây Ninh.

Tổng diện tích tự nhiên của xã là 1.507,33 ha, được chia làm 10 ấp: Bàu Trâu, Bàu Điều, Vườn Trâu, Bàu Điều Thượng, Mây Đắng, Phước Hưng, Mít Nài, Chợ, Phước Lộc, Phước An.

2. Dân số:

- Tổng số nhân khẩu: 15.536 người, trong đó nam là 7.279 người (chiếm 46,85%), nữ là 8257 người (chiếm 53,15%), bình quân 1.137 người/km². Dân số phân theo độ tuổi như sau:

- Tổng số hộ dân: 4.044 hộ; Trong đó: hộ nông nghiệp 2.858 hộ (70,68%) và hộ phi nông nghiệp là 1.186 hộ (29,32%). Như vậy, số lượng hộ gia đình hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm một tỷ lệ khá lớn.

3. Lao động:

- Số lao động trong độ tuổi là 10.052 lao động (chiếm 64,7% dân số); trong đó: Lao động Nông nghiệp - Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng - Dịch vụ, thương mại: 6.178 lao động (61,46%) - 1.886 lao động (18,76%) - 1.998 lao động (19,78%).

- Số lao động đã qua đào tạo (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học) là 4.021 lao động (40%); số lao động chưa qua đào tạo là 6.031 lao động (60%).

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch:

1.1. Quy hoạch sử dụng đất: xã Phước Thạnh đã có quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, đang tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất đai giai đoạn 2011 - 2020.

1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường; quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang khu dân cư: đang xây dựng quy hoạch.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội.

2.1. Giao thông:

Hệ thống đường giao thông của xã dài 70,19 km bao gồm: đường trục xã liên xã, đường trục ấp liên ấp, đường trục tổ, liên tổ, đường trục chính nội đồng. Hiện trạng các tuyến đường như sau:

- Đường trục xã liên xã: 10 km đã được kiên cố hóa 100%.

- Đường trục ấp liên ấp: 41 tuyến với chiều dài 36,4 km, trong đó có 19,1 km đã được kiên cố hóa, chiếm 52,4%.

- Đường trục tổ, liên tổ: 53 tuyến với chiều dài 10,76 km trong đó có 3,32 km đã được kiên cố hóa (cấp phối sỏi đỏ); chiếm 30,18%.

- Đường trục chính nội đồng: 13 tuyến với chiều dài khoảng 13,03 km, trong đó 6,58km xe cơ giới có thể đi lại thuận tiện, chiếm 50,5%.

2.2. Thủy lợi:

- Diện tích đất nông nghiệp của xã được tưới, tiêu nước bằng công trình thủy lợi: 100%; cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

- Số km kênh mương hiện có: 63,5km và có 120 công. Số kênh mương đã được kiên cố hóa 100% nhưng cách đây khá lâu (năm 1990) và đến nay đã xuống cấp cần cải tạo và nâng cấp để phục vụ tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Phước Thạnh.

2.3. Điện:

- Trên địa bàn xã có 60 trạm biến áp (bao gồm cả 3 pha và một pha), cần xây dựng 5 trạm hạ thế mới ở 5 ấp để phục vụ các khu sản xuất tập trung.

- Số km đường dây hạ thế là 33 km, đường dây trung thế là 30 km, gồm 72 tuyến, đạt chuẩn: 63 km.

- Tỷ lệ hộ dùng điện: 100%.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu về điện cho sinh hoạt: 100%.

- Hiện tại trên các tuyến đường đều đã được trang bị các bóng đèn để thấp sáng, phục vụ cho việc đi lại, sinh hoạt của người dân.

2.4. Trường học:

- Trường mầm non: xã có 2 trường mầm non chưa đạt chuẩn: trường mầm non Bông Sen 19 và trường mầm non tư thục Hoa Hồng.

- Trường tiểu học: Xã có 2 trường tiểu học. Trường tiểu học An Phước (ấp Phước Hưng) chưa đạt chuẩn và trường tiểu học Phước Thạnh (ấp Chợ) đang xây dựng đạt chuẩn quốc gia (thay thế cho 3 phân hiệu cũ).

- Trường Trung học cơ sở: trên địa bàn xã có 1 trường trung học cơ sở Phước Thạnh (Phước An) chưa đạt chuẩn. Do tiếp quản từ trường THPT Quang Trung nên cơ sở vật chất tại trường hiện nay đã xuống cấp.

- Trường THPT: Trường THPT Quang Trung nằm ở ấp Phước An đã đạt chuẩn quốc gia.

2.5. Cơ sở vật chất văn hoá:

- Hiện chưa có trung tâm văn hóa cấp xã. Có 8 văn phòng ấp là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa của ấp. Do đó, cần xây mới 2 văn phòng ấp, nâng cấp 8 văn phòng ấp đã có.

- Khu thể thao của xã: chưa có khu thể thao chung cho xã. Các hoạt động thể thao vào các dịp lễ, tết hay các hoạt động vui chơi thường diễn ra trên các bãi đất trống ở ấp Phước Hưng và ấp Chợ; cần xây dựng một sân đa năng cho xã.

2.6. Chợ:

- Hiện nay chỉ mới có 1 chợ Phước Thạnh diện tích 2.500m² nằm ở ấp Chợ với 103 tiểu thương thường xuyên buôn bán. Chợ vẫn chưa được quy hoạch, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu buôn bán kinh doanh của người dân. Do đó, trong thời gian tới

cần phải nâng cấp chợ cũ và xây mới chợ Phước Thạnh là nơi trao đổi hàng nông sản không chỉ cho người dân trong xã mà còn phục vụ cho các xã trong cụm.

2.7. Bưu điện:

Hiện nay, xã có 1 bưu điện ở ấp Chợ đã đạt chuẩn với diện tích 500m². Toàn xã có 9 điểm truy cập internet nằm trên 3 ấp (ấp Chợ, Phước An, Phước Lộc) góp phần phục vụ việc tiếp cận thông tin, khoa học kỹ thuật của người dân.

2.8. Nhà ở dân cư nông thôn:

- Xã không còn nhà tạm, dột nát.
- Tỷ lệ nhà kiên cố đạt 91,3% (3.694 nhà) và tỷ lệ nhà bán kiên cố là 8,7% (350 nhà).

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất:

3.1. Kinh tế:

- Cơ cấu kinh tế xã theo hướng: Nông nghiệp: 56%, Công Nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: 21%, Thương mại - dịch vụ: 23%;
- Thu nhập bình quân/người/năm: 21 triệu đồng/người/năm;
- Cơ cấu ngành nông nghiệp: trồng trọt: 50%, chăn nuôi: 47%, thủy sản: 3%.

3.2. Hộ nghèo:

- Tỷ lệ hộ nghèo: 7,34% (297 hộ) (theo tiêu chí thành phố: dưới 12 triệu đồng/người/năm). Hiện tại trên địa bàn xã không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn quốc gia: 6 triệu đồng/người/năm.

3.3. Lao động:

- Tỷ lệ lao động có việc làm: 61,46%.
- Số lao động đã qua đào tạo (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học) là 4.021 lao động (40%); số lao động chưa qua đào tạo là 6.031 lao động (60%).

3.4. Hình thức tổ chức sản xuất:

- Có 21 doanh nghiệp hoạt động ổn định và có hiệu quả trên địa bàn.
- Hiện nay trên địa bàn xã đã thành lập 5 tổ hợp tác: 1 tổ hợp tác bò sữa, 1 tổ hợp tác về hoa cây cảnh, 3 tổ hợp tác về rau an toàn.
- Số hộ cá thể buôn bán, kinh doanh hoạt động ổn định khoảng 530 cơ sở.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

4.1. Giáo dục:

- Phổ cập giáo dục trung học: 85,4% (778/911 hs)
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): 90%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 40%.
- Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi: 100%.
- Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục: đạt.

4.2. Y tế:

- Xã có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia;
- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế: 75%;
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong độ tuổi là 4,76%.

4.3. Văn hóa:

- Tỷ lệ áp đạt chuẩn văn hóa: 8/10 áp (80%);
- Tỷ lệ hộ dân đạt chuẩn gia đình văn hóa: 3.460 hộ (85,66%);
- Tỷ lệ người tham gia hoạt động thể thao đạt: 15%;
- Tỷ lệ người tham gia các hoạt động văn nghệ đạt: 12%;
- Xã có một khu tưởng niệm liệt sĩ đã được trùng tu, tôn tạo.

4.4. Môi trường:

- Tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh là 95%;
- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 80%;
- Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: 70% (Xã có 154 hầm biogas);
- Xử lý chất thải: Trên địa bàn xã đã có tổ thu gom rác thải cho 10 áp nên phần lớn số lượng rác thải được thu gom và xử lý. Tuy nhiên bãi rác vẫn nằm trong khu dân cư, chưa được di dời;
 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường: 50% do các cơ sở này chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải;
 - Xã có 3 nghĩa trang (ở 3 áp: Vườn Trầu, Phước Hưng, Mây Đắng) nhưng chưa được quy hoạch và chưa có quy chế quản lý chung cho toàn xã.

5. Hệ thống chính trị:

5.1. Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh:

- Hệ thống chính trị của xã đạt chuẩn.
- Đảng bộ xã đạt trong sạch vững mạnh. Có đầy đủ các tổ chức chính trị - xã hội.

Các tổ chức hoạt động ổn định.

- Đảng bộ xã có 229 đảng viên.
- Đội ngũ công chức của UBND xã: 40 người.

5.2. An ninh, trật tự xã hội:

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững, thực hiện tốt kế hoạch tấn công các loại tội phạm. Bảo vệ tốt các ngày lễ, tết, quản lý tốt việc đăng ký tạm trú, tạm vắng trên địa bàn.

6. Các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã.

- Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

- Dự án nước sạch và vệ sinh môi trường góp phần giúp giữ gìn môi trường nông thôn được trong sạch;

- Dự án quốc gia về xóa đói giảm nghèo, chương trình hỗ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP), phổ cập giáo dục cũng đã được triển khai trên địa bàn và đạt được nhiều kết quả khả quan;

- Dự án QSEAP tại ấp Bàu Điều Thượng: xây dựng vùng sản xuất rau ăn quả được chứng nhận rau sản xuất theo quy trình an toàn. Tổng vốn đầu tư cho mô hình là 5.272 triệu đồng;

- Đang xây dựng mới trường tiểu học Phước Thạnh đạt chuẩn quốc gia với kinh phí là 47.111 triệu đồng. Tiến độ thực hiện: 50%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

- Giao thông nông thôn phủ kín trên địa bàn các ấp của xã Phước Thạnh, không còn diện tích đường lầy lội vào mùa mưa, đặc biệt có quốc lộ 22 và tỉnh lộ 7 chạy qua (quốc lộ 22 ngang qua dài 3,6km; tỉnh lộ 7 dài 2,5km), rất thuận lợi cho việc giao thương, buôn bán, trao đổi hàng hóa của người dân. Do đó ngoài thị trường tiêu thụ

chính là thành phố, còn có tỉnh liền kề là Tây Ninh cũng hứa hẹn nhiều tiềm năng để phát triển.

- Phước Thạnh nằm cạnh khu công nghiệp Trảng Bàng của Tây Ninh. Hàng năm, khu công nghiệp này đã giải quyết việc làm cho khoảng 250 lao động của xã, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và hạn chế được tình trạng thất nghiệp và một số tệ nạn liên quan.

- Hệ thống nước kênh Đông phủ khắp các ấp đảm bảo đủ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp trong các tháng mùa khô. Hệ thống cây trồng và vật nuôi đa dạng, phong phú, góp phần phát triển nền nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị.

- Một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đã hình thành khá lâu, nhất là nghề đan lát, là tiền đề để hình thành một làng nghề truyền thống, tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Giáo dục, y tế được chú trọng đúng mức: xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện nhiều chương trình dự án góp phần nâng cao dân trí và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn xã.

- Tình hình an ninh, trật tự xã hội được giữ vững, tạo niềm tin để người dân yên tâm đầu tư vào sản xuất, công tác. Ngoài quan tâm đến đời sống vật chất, các hoạt động văn hóa cũng thường xuyên được tổ chức góp phần chăm lo đời sống tinh thần của người dân.

- Không còn nhà tạm dột nát, 100% người dân đã sử dụng điện vào sinh hoạt và sản xuất. Điện phủ kín các ấp góp phần tích cực tới việc tiếp cận với các phương tiện truyền thông, thúc đẩy việc tiếp cận khoa học, kỹ thuật của người dân.

2. Khó khăn

- Công tác quy hoạch vẫn chưa hoàn chỉnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn chưa tương xứng với quy mô phát triển chung của huyện.

- Cơ sở hạ tầng (chợ, nghĩa trang, bưu điện,...) chưa được đầu tư đồng bộ, chưa đáp ứng được nhiều nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

- Đội ngũ lao động đã qua đào tạo và có trình độ cao còn ít, đặc biệt số lao động trẻ và có trình độ cao hoạt động trong nông nghiệp chiếm một tỷ lệ rất thấp.

- Nông nghiệp: Các công trình thủy lợi xuống cấp, ảnh hưởng rất lớn tới sản xuất. Chương trình khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy đã có chính sách hỗ

trợ lãi suất vay vốn nhưng đa số người dân thiếu thông tin nên hiệu quả chưa cao. Sản xuất còn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, thiếu liên kết và chịu rủi ro cao (thiên tai, dịch bệnh; đầu ra, đầu vào của nông sản không ổn định;...), thiếu nhiều mô hình làm ăn có hiệu quả cao và việc nhân rộng cũng chưa được thực hiện tốt.

- Phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT còn yếu do thiếu cơ sở vật chất, nên chưa trở thành hoạt động thường xuyên và phục vụ đầy đủ cho nhu cầu sinh hoạt của thanh thiếu niên nói riêng và nhân dân của toàn xã.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ PHƯỚC THẠNH - HUYỆN CỬ CHI

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung:

1.1. Xây dựng xã Phước Thạnh trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, áp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1.2. Xây dựng xã Phước Thạnh trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thành 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia.

+ Năm 2012: Hoàn thành 07/19 tiêu chí (3, 4, 8, 13, 15, 16, 19);

+ Năm 2013: Hoàn thành 11/19 tiêu chí, tăng thêm 04 tiêu chí (1, 9, 17, 18);

+ Năm 2014: Hoàn thành 16/19 tiêu chí, tăng thêm 5 tiêu chí (5, 6, 7, 11, 12);

+ Năm 2015: Hoàn thành 19/19 tiêu chí, tăng thêm 3 tiêu chí (2, 10, 14).

** Những nội dung thực hiện cụ thể:*

- Hoàn thành quy hoạch Xây dựng nông thôn mới (Quy hoạch sử dụng đất; Quy

hoạch sản xuất: quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; Quy hoạch xây dựng) năm 2012.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Nâng cấp và cải tạo các tuyến kênh mương nội đồng đảm bảo tốt cho phục vụ sản xuất của người dân.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm gấp 1,5 - 1,8 lần vào năm 2015 so với trước khi xây dựng đề án.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm là 3,7% và đến năm 2015 xã Phước Thạnh cơ bản không còn hộ nghèo.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% trong đó lao động nữ chiếm 40%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm đạt 90% (trừ lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học theo quy định).

- Thành lập thêm 2 hợp tác xã, 3 tổ hợp tác, bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống theo phương châm “mỗi làng một sản phẩm”.

- 10/10 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Tiếp tục giữ vững tiêu chuẩn đã đạt được về hệ thống tổ chức chính trị và an ninh trật tự xã hội.

3. Các phương châm thực hiện đề án

- Mô hình nông thôn mới được thực hiện theo phương châm dựa vào nội lực của cộng đồng địa phương. Ngân sách thành phố hỗ trợ một phần trực tiếp để phát huy sự đóng góp của người dân và cộng đồng.

- Các hoạt động cụ thể của từng mô hình thí điểm do chính người dân ở mô hình tự đề xuất và thiết kế trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định thông qua cộng đồng; Các cấp ủy Đảng và chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành quá trình thực thi chính sách, cơ chế, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nguồn lực hoạch định và tạo điều kiện, động viên tinh thần,... cho người dân thực hiện vai trò làm chủ thông qua cộng đồng.

- Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã.

Trước hết, phát động phong trào toàn dân thi đua thực hiện. Tùy tình hình cụ thể để đưa ra mục tiêu phấn đấu hoàn thành một số chỉ tiêu cho từng năm và cả giai đoạn; phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường, vươn lên của nông dân; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú làm nền tảng tinh thần của giai cấp nông dân, tạo động lực cho quá trình xây dựng nông thôn mới.

4. Giới hạn phạm vi đề án.

- Đề án đề ra các mục tiêu nhằm xây dựng và hoàn thành kế hoạch phát triển tổng thể xã theo các tiêu chí nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009, trong đó tập trung vào các nhóm vấn đề như: Quy hoạch, Hạ tầng kinh tế - xã hội; Kinh tế và tổ chức sản xuất; Văn hóa - xã hội - môi trường; Hệ thống chính trị được nghiên cứu vận dụng trên địa bàn giai đoạn 2011 - 2015.

- Đề án xã tập trung đánh giá và đề xuất đổi mới một số cơ chế chính sách để người dân tự ý thức, trách nhiệm tham gia xây dựng nông thôn của mình gắn với việc trao quyền xây dựng nông thôn mới cho cộng đồng cơ sở, phát huy dân chủ ở cơ sở, huy động tốt hơn nguồn lực và đẩy nhanh hơn tiến độ xây dựng nông thôn.

5. Thời gian thực hiện đề án: từ năm 2013 đến năm 2015.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ:

1. Công tác Quy hoạch:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 01 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2012.

* Nội dung: Hoàn thành Quy hoạch Xây dựng nông thôn mới (Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch sản xuất: quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; Quy hoạch xây dựng) theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Giao thông:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 02 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015.

* Nguyên tắc đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư các đường giao thông liên xã, đường giao thông trục chính kết nối mạng lưới giao thông với quốc lộ, tỉnh lộ hoặc trục đường chính của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

- Thực hiện quy mô đầu tư theo Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Trường hợp mặt đường hiện trạng lớn hơn theo quy định của Quyết định số 315/QĐ-BGTVT thì thực hiện đầu tư theo hiện trạng.

* Nội dung thực hiện:

- Từ nay đến năm 2015 xây dựng hệ thống giao thông nông thôn hiện đại, chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản, góp phần giảm khoảng cách chênh lệch về kinh tế cũng như trình độ dân trí giữa nông thôn và thành thị.

- Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã, bảo đảm; đường nối giữa các xã hay từ trung tâm hành chính xã tới các ấp được nhựa hóa hay bê tông hóa đạt chuẩn kỹ thuật; đường trục nối giữa các ấp, xóm được cứng hóa đạt chuẩn kỹ thuật; đường liên tổ nối giữa các tổ trong ấp, liên tổ sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Đường liên ấp và trục ấp: Nâng cấp đường có hiện trạng kết cấu nền đất và đường cấp phối sỏi đỏ lên cấp phối sỏi đỏ, láng nhựa với tổng chiều dài: 17,47 km (16 tuyến); đường ngõ tổ: Nâng cấp đường đất lên bê tông xi măng và cấp phối đá dăm với tổng chiều dài 5,48 km (23 tuyến); đường giao thông nội đồng: Nâng cấp đường đất lên cấp phối sỏi đỏ với tổng chiều dài: 6,45 km (5 tuyến); cầu giao thông nông thôn kết nối với giao thông nội đồng: Xây mới 02 cầu.

2.2. Thủy lợi:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Hệ thống công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

* Nội dung thực hiện: Nạo vét kết hợp gia cố 13 tuyến kênh nội đồng với tổng chiều dài: 9,12 km kênh.

2.3. Điện:

* Mục tiêu: Duy trì - nâng chất tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục nâng chất hệ thống các công trình cung cấp điện, chiếu sáng phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; 100% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên và an toàn từ các nguồn điện của xã;

- Vận động, tuyên truyền và có chính sách hỗ trợ người dân sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm (đèn huỳnh quang tiết kiệm điện, đèn compac thay thế đèn dây tóc);

- Xây dựng mới 5 trạm biến áp và nâng cấp 51 trạm biến áp: 5.818 triệu đồng;

- Xây dựng mới 47,95 km đường dây hạ thế: 1.675 triệu đồng.

2.4. Trường học:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

* Nội dung thực hiện:

- Xây mới:

+ Năm 2013: Đề nghị xây mới trường THCS Phước Thạnh (ấp Phước An). Dự kiến xây mới trường đạt chuẩn quốc gia với: 30 phòng học, 12 phòng chức năng, 4500 m² sân chơi, bãi tập.

+ Năm 2013: Đề nghị xây mới 01 phân hiệu trường mầm non Phước Thạnh. Vị trí xây dựng: Sử dụng mặt bằng tại trường tiểu học Phước Thạnh cũ để xây dựng tại ấp Phước An.

- Nâng cấp:

+ Năm 2013: Nâng cấp trường tiểu học An Phước (Phước Hưng) để trường trở thành một phân hiệu của trường tiểu học Phước Thạnh.

+ Năm 2014: Nâng cấp 02 phân hiệu trường tiểu học Phước Thạnh tại ấp Phước An và Mây Đẳng.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

* Mục tiêu: Củng cố tiêu chí số 15 theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung thực hiện:

- Xây mới:

+ Năm 2013: Xây mới 02 văn phòng ấp (ấp Phước An và ấp Bàu Trâu).

+ Năm 2014: Xây dựng khu thể thao đa năng (ấp Phước Hưng).

- Nâng cấp:

+ Năm 2013: Cung cấp trang thiết bị cho 8 văn phòng ấp còn lại.

2.6. Chợ:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

* Nội dung: Năm 2014: Xây mới chợ Phước Thạnh (ấp Phước Hưng).

2.7. Nhà ở dân cư:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung thực hiện:

- Duy trì tỷ lệ 100% không còn nhà tạm, dột nát;

- Chính trang: 10 - 15% nhà ở dân cư.

- Vận động và tuyên truyền người dân có nhu cầu xây nhà mới; sửa chữa nhà thực hiện đúng quy định về kiến trúc nhà ở dân cư phù hợp với nông thôn ven đô.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ lãi vay chính sửa nhà ở.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức:

3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập:

* Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nâng cao mức thu nhập của người dân. Phần đầu đến năm 2015, thu nhập bình quân đầu người là 1,5 - 1,8 lần khi xây dựng đề án.

* Nội dung:

Cơ cấu kinh tế theo hướng: Nông nghiệp (45%) - Thương mại (30%) - Công nghiệp (25%).

- Trồng trọt (42%): Phát triển nông nghiệp theo hướng đô thị. Phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như bắp, hoa lan, cây kiểng, sản xuất lúa giống, cây nguyên liệu phục vụ nghề đan lát.

- Chăn nuôi (57%): Tiếp tục phát triển đàn gia súc, phần đầu đến 2015 số lượng bò sữa đạt 8000 con, trâu bò thịt ổn định 4500 con, đàn heo là 3500 con. Đồng thời, thực hiện tốt công tác tiêm phòng, ngừa các loại dịch bệnh có nguy cơ lây lan.

- Thủy sản (1%): Xây dựng tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản, định hướng cho người dân nuôi các loại vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

3.2. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

* Nội dung:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm là 3,7% và đến năm 2015 xã Phước Thạnh không còn hộ nghèo.

- Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm:

* Mục tiêu: Hoàn thành tiêu chí số 12 trong Bộ tiêu chí quốc gia.

* Nội dung:

- Liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện và với các doanh nghiệp, các khu công nghiệp lân cận nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật, từ đó đề ra các giải pháp phù hợp để chuyển dịch lao động.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các tổ chức có liên quan với nông dân, hộ sản xuất (chú trọng đến các nhóm nông dân cùng sở thích) trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

- Mở thêm lớp tập huấn về đan lát: nâng cao tay nghề cho người dân, phổ biến thêm một số mẫu mã mới, kiến thức về bảo quản sản phẩm, xử lý nguyên liệu,...

3.4. Các hình thức tổ chức cần phát triển:

* Mục tiêu: Hoàn thành tiêu chí số 13 theo Bộ tiêu chí quốc gia.

* Chỉ tiêu phấn đấu:

- Trong thời gian tới cần chuyển tổ hợp tác bò sữa thành hợp tác xã bò sữa, thành lập thêm 1 tổ hợp tác về nuôi trồng thủy sản; 1 tổ hợp tác về cây bắp, 1 tổ hợp tác về lúa giống; 1 hợp tác xã về đan lát.

* Nội dung:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về hợp tác xã, kinh tế tập thể.

- Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ của hợp tác xã, tổ hợp tác; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt, cán bộ chuyên môn, đào tạo tay nghề cho xã viên.

- Tạo điều kiện để hợp tác xã, tổ hợp tác được hoạt động một cách tốt nhất như hỗ trợ: trụ sở làm việc, thông tin thị trường, kỹ thuật, điều kiện sản xuất,....

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

4.1. Giáo dục:

* Mục tiêu: Hoàn thành tiêu chí số 14 theo Bộ tiêu chí quốc gia.

* Các chỉ tiêu phân đầu:

- Tiếp tục giữ vững chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục các bậc học hàng năm.

- Phổ cập giáo dục trung học: 98%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): 100%.

- Đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% trong đó lao động nữ chiếm 40%.

- Giữ vững tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi: 100%.

- Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục đào tạo: Đạt.

* Nội dung:

- Tạo mọi điều kiện cho các em trong độ tuổi đi học được đến trường; tiếp tục vận động các em học sinh bỏ học giữa chừng trở lại lớp, hạ tỷ lệ bỏ học ở mức thấp nhất.

- Công tác phổ cập giáo dục phải duy trì được các lớp đang học THCS, các lớp THPT, sau chống mù chữ phân đầu đạt mức cao nhất kế hoạch đã đề ra.

- Củng cố hội đồng giáo dục, hội khuyến học, hội phụ huynh; phát huy vai trò của trung tâm học tập cộng đồng.

- Tìm kiếm các nguồn tài trợ tặng các suất học bổng cho con em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên học tốt.

4.2. Y tế:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 theo bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Chỉ tiêu phân đầu:

- Giữ vững tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm: 75%.

+ Các đối tượng được quy định như người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, cựu chiến binh... do ngân sách nhà nước, quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ người nghèo chi trả tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

+ Các đối tượng còn lại tự đóng toàn bộ phí bảo hiểm y tế hay được ngân sách hỗ trợ một phần mức đóng bảo hiểm y tế đạt trên 50%.

- Y tế xã đạt chuẩn quốc gia: Đạt

* Nội dung thực hiện:

- Trạm y tế xã đã đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên trong thời gian tới, để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu khám chữa bệnh của người dân thì cần mua sắm thêm một số trang thiết bị mới, từng bước làm cho trạm xã ngày càng hiện đại.

- Mua sắm thêm trang thiết bị mới cho trạm y tế xã tại ấp Phước Hưng.

- Vận động người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế.

4.3. Văn hóa:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Chỉ tiêu phân đầu:

- Số ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa: 100%.

- Tỷ lệ gia đình văn hóa: 90%.

- Số ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa: 10/10 ấp.

- Tỷ lệ gia đình văn hóa và làm giàu từ sản xuất nông nghiệp: 100%.

- Tỷ lệ người tham gia hoạt động thể thao: 25%.

- Tỷ lệ người tham gia hoạt động văn nghệ: 50%.

* Nội dung thực hiện:

- Tổ chức tốt các hoạt động chào mừng các ngày lễ, hội lớn, tết. Vận động nhân dân tham gia vào các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tiếp tục duy trì và thành lập thêm các câu lạc bộ như đờn ca tài tử, câu lạc bộ cải lương, lân sư rồng, cờ tướng, cờ vua,...

- Thực hiện nếp sống văn hóa, tiết kiệm; thực hiện đám cưới, đám tang tiết kiệm, văn hóa, không phô trương, lãng phí.

- Xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa, làng văn hóa; Biểu dương các gia đình văn hóa, nêu gương người tốt, việc tốt.

- Thực hiện hoạt động đền ơn đáp nghĩa với người có công với cách mạng, hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, những hộ thuộc diện chính sách, ủng hộ các gia đình ở vùng thiên tai, lũ lụt theo tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

- Tiếp tục phổ biến phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Kiểm tra chặt chẽ các dịch vụ kinh doanh băng đĩa nhạc, các quán internet.

- Tham gia đầy đủ hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao do cấp trên tổ chức.

4.4. Môi trường:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Chỉ tiêu phấn đấu:

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh: 100%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có hầm biogas: 70%.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 100%.

- Không có cơ sở sản xuất tiêu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

- Tỷ lệ thu gom rác đạt 85%.

- Số cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%.

- Quy hoạch và xây dựng cơ chế quản lý nghĩa trang: Đạt.

* Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục vận động nhân dân tham gia giữ gìn, bảo vệ môi trường, không lấn chiếm lòng lề đường, không thải chất thải, nước thải ra môi trường; xây dựng các công trình hợp vệ sinh.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình hỗ trợ người dân trong xây dựng hầm biogas, xây dựng các công trình hợp vệ sinh.

- Vận động 100% hộ dân tham gia vào việc thu gom rác thải của xã.

- Thường xuyên kiểm tra môi trường, tình hình thực hiện bảo vệ môi trường của người dân, nếu có vi phạm thì có biện pháp xử lý kịp thời.

- Xây dựng mô hình mẫu về tổ, ấp có hệ thống xử lý nước thải của hộ (sẵn sàng đầu nối vào hệ thống nước thải chung của cộng đồng).

- Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp” kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên qui mô xã.

- Tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã.

- Mở rộng nghĩa trang tại ấp Vườn Trầu và Mây Đắng để di dời các phần mộ ở 2 nghĩa trang còn lại về nghĩa trang chung.

5. Hệ thống chính trị:

5.1. Hệ thống chính trị xã hội vững mạnh:

* Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Chỉ tiêu phân đầu

- Tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn: Đạt;

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Đạt;

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”: Đạt;

- Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên: Đạt;

- An ninh, trật tự xã hội được giữ vững: Đạt;

* Nội dung thực hiện:

- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

5.2. An ninh, trật tự xã hội:

* Mục tiêu: Hoàn thành tiêu chí số 19 theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

* Nội dung thực hiện:

- Tập trung giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an toàn xã hội, củng cố quốc phòng an ninh vững chắc.

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục để nâng cao nhận thức trong cán bộ, quần chúng về ý thức bảo vệ tổ quốc là nhiệm vụ của toàn dân; nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề xảy ra.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch tấn công tội phạm, củng cố các tổ nhân dân, phát huy tổ tự quản.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật sâu rộng trong nhân dân, nhất là Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh dự bị động viên.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, dự kiến: 359.766 triệu đồng, gồm:

1.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 232.710 triệu đồng, chiếm 64,68%.

1.2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 127.056 triệu đồng, chiếm 35,32%.

2. Nguồn vốn:

2.1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 181.441 triệu đồng, chiếm 50,44%; trong đó:

+ Vốn Nông thôn mới: 106.529 triệu đồng, chiếm 29,61%.

+ Vốn lồng ghép: 74.912 triệu đồng, chiếm 20,83%; chia ra:

* Vốn ngân sách tập trung: 50.000 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp thẩm quyền);

* Vốn phân cấp huyện: 856 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 24.056 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).

2.2. Vốn cộng đồng đóng góp: 130.325 triệu đồng, chiếm 36,22%; trong đó:

+ Vốn dân: 65.332 triệu đồng;

+ Vốn doanh nghiệp: 64.993 triệu đồng;

2.3. Vốn vay tín dụng: 48.000 triệu đồng, chiếm 13,34%.

2.4. Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Qui mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ:

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1. Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

3.2. Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Củ Chi và xã Phước Thạnh; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Phước Thạnh.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Thạnh.

4.3. Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới

thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng